

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học công nghệ kỹ thuật - 207108

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phóng thi HD303 Nhóm : 06 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	13137006	MAI THẾ ANH	DH13NL			0,4	0,6	3,7	4,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12115216	NGUYỄN THỊ DUNG	DH12GB			2,0	0,6	3,0	5,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154098	LÊ TRƯỜNG GIANG	DH13OT			0,8	0,1	3,1	4,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13115198	ĐÌNH BÀ HÀ	DH13CB			1,4	0,1	2,7	4,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12344143	HỒ VĂN HẠ	CD12CI			2,0	0,4	2,1	4,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13115217	NGUYỄN MINH HOÀNG	DH13CB			1,9	1,4	3,1	6,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09118006	VÕ BÁ HOÀNG	CD12CI							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118152	BÙI VĂN HỌI	DH13CC			2,5	1,9	4,7	9,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118162	HUỲNH ĐỨC HÙNG	DH13CC			2,5	0	4,1	6,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118163	LÂM THÁI HÙNG	DH13CC			2,4	0,4	3	5,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118166	LIU CÁ HÙNG	DH13CC			0,9	0,1	2,6	3,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118168	PHẠM VĂN HÙNG	DH13CC			0,8	0,3	1,4	2,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12137023	LƯU ĐÌNH HƯNG	DH12NL			1,9	0,1	1	3,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13115052	NGUYỄN PHẠM PHÚ HỮU	DH13CB			1,6	0,5	0,8	2,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118170	HUỲNH MINH KHA	DH13CC			1,8	0,9	3,9	6,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13118177	ĐÀO VĂN KHÁI	DH13CC							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118175	NGÔ BÁ KHANH	DH13CC			2,4	1,8	2,9	7,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học công nghệ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD303 Nhóm : 06 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (30%)	Đ 2 (30%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng tròn điểm phần nguyên	Tổng tròn điểm phần lẻ
18	13137074	MAI QUANG KHÁNH	DH13ML	Chanh		1,8	1	3,6	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13118180	NGUYỄN HỒNG KHÁNH	DH13CC	Chanh		2,5	1,6	1,8	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118183	TRƯƠNG NHỰT KHÁNH	DH13CC	Chanh		2,5	0,4	3,6	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118184	VÕ VĂN KHIÊM	DH13CC	Chanh		2,4	0,8	3,5	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118190	TRẦN VĂN LA	DH13CC	Chanh		2,6	1,7	4,0	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118193	TRẦN NGỌC LẬP	DH13CC							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118194	LÊ HOÀNG LÊ	DH13CC							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118196	LÊ VĂN LINH	DH13CC	Chanh		2,1	0,3	2,7	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13118202	NGUYỄN TÂN LỘC	DH13CC	Chanh		2,3	1,1	3,7	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13118203	NGUYỄN HỮU LỢI	DH13CC	Chanh		2,4	1,5	3,7	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13118210	NGUYỄN PHẠM NHẬT MINH	DH13CC							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118212	ĐẶNG KỲ NAM	DH13CC							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12115205	LÊ VĂN NGÂN	DH12GB	Chanh		1,7	0,4	2,2	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13118220	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	DH13CC	Chanh		2,3	0,5	3,4	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13118227	PHAN VĂN NHỰT	DH13CC	Chanh		2,3	1,8	1,4	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13118233	LÊ CÔNG TÂN PHONG	DH13CC							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13118236	ĐẶNG ĐÌNH PHỐ	DH13CC	Chanh		2,4	1,7	2,0	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản - 207108

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD303 Nhóm : 06 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	13115083	VÕ THỊ LỆ	PHÚC	DH13CB		2,3	1,1	3,3	6,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13118240	HUỲNH HIỆU	PHƯỚC	DH13CC		0,9	1	2,2	4,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	13118238	HÀ THANH	PHƯƠNG	DH13CC		2	1,8	2	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13115336	TRỊNH NGỌC	PHƯƠNG	DH13CB		0,5	0,3	0,5	1,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12138127	PHAN THANH	QUÍ	DH12TD		2,2	0,1	1,0	3,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13118250	BẠCH ĐÌNH	QUYẾT	DH13CC		2,3	0,2	4,3	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13118257	VŨ TUẤN	SƠN	DH13CC		2,2	0,3	2,4	4,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13118260	LÊ NGUYỄN THÀNH	TÀI	DH13CC		2,6	1,8	4,9	9,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13115367	NGUYỄN ANH	TÀI	DH13CB		1,7	0	3,5	5,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13118266	HUỲNH THANH	TÂM	DH13CC		2,4	0,8	4,2	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13118267	TRƯƠNG MINH	TÂM	DH13CC		2,6	1,8	3,9	8,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13118268	TRẦN VĂN	TÂY	DH13CC						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13118278	HUỲNH NGỌC	THẠCH	DH13CC		2,6	1,8	4,1	8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13118272	TRỊNH VĂN	THANH	DH13CC						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12153016	VŨ CAO	THẮNG	DH12CD		1,8	1,4	2	5,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13118284	LÂM VĂN	THIỆT	DH13CC		2,3	0,1	3,1	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13118294	ĐỖ THANH	TIỀN	DH13CC		0,9	1,3	2,7	4,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học cho sinh viên kỹ thuật - 207108

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD303 Nhóm : 06 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (0%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
52	13118298	NGUYỄN VĂN TIẾN	DH13CC			2	0,1	2,8	4,9	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
53	12115305	TRẦN NHẬT TIẾN	DH12GN			2,4	1,4	2,9	6,7	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
54	13118365	TRẦN VĂN TỊNH	DH13CC			2,1	1,8	3,6	7,5	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
55	13115422	LÊ VĂN CÔNG	DH13CB			0,4	0,1	2,3	2,8	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
56	13118306	NGUYỄN CHU TOÀN	DH13CC			1	1	2,2	4,2	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
57	13118308	PHẠM VĂN TRẮNG	DH13CC			2,6	1,2	4,3	8,1	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
58	13115435	NGUYỄN THỊ HUỲNH	DH13GN			2,5	1	3,7	7,2	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
59	13118314	NGUYỄN THANH TRỌNG	DH13CC			0,5	0,6	3	4,1	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
60	13118315	BÙI MINH TRUNG	DH13CC							(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
61	13118318	NGUYỄN ĐỨC	DH13CC			2,7	1,9	4,5	9,1	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
62	13118319	NGUYỄN HUY	DH13CC			2,2	0	4,1	6,3	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
63	13118323	BÙI VĂN TRUYỀN	DH13CC			2,3	0,4	2,8	5,5	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
64	13118324	PHẠM NGỌC TRUYỀN	DH13CC			2,3	1,2	4	7,5	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
65	13118326	NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG	DH13CC			2,3	0,5	4,0	6,8	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
66	13118331	HOÀNG VĂN TUẤN	DH13CC			1,6	0,1	2,5	4,2	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
67	13118333	NGUYỄN ANH TUẤN	DH13CC			2,2	1	2	5,2	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
68	13118334	NGUYỄN DUY TUẤN	DH13CC			2,1	0,7	3,7	6,5	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học cho sinh viên kỹ thuật - 207108

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD303 Nhóm : 06 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (30%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
69	13118338	PHẠM MINH TUẤN	DH13CC			1,9	0,2	2,1	4,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
70	13118342	NGUYỄN XUÂN TÙNG	DH13CC			2,4	1,3	3,7	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
71	13118347	MAI HOÀI TỰU	DH13CC			2,2	0,2	4	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
72	13118349	DƯƠNG ĐỨC VINH	DH13CC			2,4	1,4	3,8	7,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
73	13118353	HOÀNG ĐỨC VŨ	DH13CC			2,3	0,8	2,8	5,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
74	13118354	LÊ LƯƠNG TUẤN	DH13CC			0,8	0,2	3,2	4,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
75	13118360	ĐÀO THỊ HẢI YẾN	DH13CC			2,6	1,6	4,7	8,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng : 10 Hiện diện : 65

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hằng

Nguyễn Thị Kiều Hằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học và giải tích - kỹ thuật - 207108

Ngày Thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV103 Nhóm : 07 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
1	13153034	PHẠM NHẬT ANH	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,6	0,6	2	4,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13153036	NGUYỄN XUÂN ẤT	DH13CD	<i>A+</i>		1,6	0,8	2,5	5,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13153001	NGUYỄN VĂN BÀ	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,8	1,4	4,5	7,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13153002	KIM THANH BACH	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,8	1,5	4,7	8,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13153038	THÁI QUANG BẢO	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,8	1,0	4,8	7,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13153042	TẠ VĂN BÌNH	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,4	0,9	4,2	6,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12115075	BÙI THỊ MINH BÚT	DH12GB	<i>[Signature]</i>		1,7	1	3,8	6,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13153044	LÊ VĂN CÀNH	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,6	0,6	4,4	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13153045	TRẦN ĐỨC CÀNH	DH13CD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13153043	PHAN NGỌC CAO	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,9	0,7	4,5	7,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13153046	HUỶNH CÔNG CHÍNH	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,4	0,5	4,5	6,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13153059	NGUYỄN QUỐC DŨNG	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,6	0,8	3	5,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13153054	LÂM THÁI DUY	DH13CD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13153003	PHẠM TRẦN ANH DUY	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,6	1,7	4,2	7,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13153061	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,7	1,3	2,7	5,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13153063	TRẦN VĂN DƯƠNG	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,1	0,8	2,5	4,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13153068	MAI QUỐC ĐẠT	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,5	0,5	4,8	6,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hì nh họ c họ a hì nh- vẽ kỹ thuậ t-207108

Ngày Thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi TV103 Nhóm m : 07 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ trò n điể m phầ n nguyê n	Tổ trò n điể m phầ n lẻ
18	13153004	TRƯƠNG NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	DH13CD	<i>Đạt</i>	1,7	1,2	5,1	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	13153073	NGUYỄN VĂN	ĐẦU	DH13CD	<i>Đầu</i>	0,6	0,8	2,6	4,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	13153005	ĐĂNG HỮU	ĐỀ	DH13CD	<i>Đề</i>	1,8	1,7	2,1	5,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	13153074	K'	ĐỀ	DH13CD	<i>Đề</i>	1,6	0,8	2,7	5,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	13115024	NGUYỄN THANH	ĐIẾP	DH13CB	<i>Điếp</i>	1,6	1	4	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	13153076	LÊ KHÁI	ĐỊNH	DH13CD	<i>Định</i>	1,6	0,5	5	7,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	13153077	TRƯƠNG CÔNG	ĐỊNH	DH13CD	<i>Định</i>	1,7	0,6	3	5,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	13153078	TRƯƠNG CÔNG	ĐỊNH	DH13CD	<i>Định</i>	1,7	0,5	3,6	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	13153006	NGUYỄN TAM	ĐỨC	DH13CD	<i>Đức</i>	1,4	0,7	1,3	3,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	13153007	PHẠM TIẾN	ĐỨC	DH13CD	<i>Đức</i>	1,5	0,5	3,6	5,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	13153084	NGUYỄN TRÚC	GIANG	DH13CD	<i>Trúc</i>	1,7	0,8	3,6	6,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	13153086	DƯƠNG MINH	HÀO	DH13CD	<i>Minh</i>	1,8	0,8	3,6	6,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	13153088	LÊ VĂN	HÀO	DH13CD	<i>Văn</i>	1,7	1,5	4,2	7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	13115206	BÙI THỊ ÁI	HẬU	DH13GN	<i>Ái</i>	1,9	0,6	4,8	7,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	13153092	LÊ QUANG	HẬU	DH13CD	<i>Quang</i>	1,7	1,8	5,1	8,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	13153093	PHÙNG VĂN	HẬU	DH13CD	<i>Phùng</i>	1,7	1,8	3	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	13153095	NGUYỄN VINH	HIỂN	DH13CD						☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Hình học phẳng và kỹ thuật vẽ kỹ thuật - 207108

Ngày thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV103 Nhóm : 07 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
35	13153008	PHẠM MINH HIẾN	DH13CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13153096	DƯƠNG ĐỨC HIẾU	DH13CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	13153101	THÁI TRƯƠNG HIẾU	DH13CD	<i>Thái</i>		1,5	0,4	4,2	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13153103	NGUYỄN ĐỒNG HOÀI	DH13CD	<i>Hoài</i>		0,8	0,8	4,5	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13153104	HÀ LÝ GIA HOÀNG	DH13CD	<i>Ha</i>		1,4	0,6	3,6	5,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13153106	NGUYỄN HUY HOÀNG	DH13CD	<i>Huong</i>		1,8	1	4,2	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13153108	BÀN THẾ HỒNG	DH13CD	<i>Ban</i>		1,8	0,6	3,6	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13153109	NGUYỄN TÂN HỒNG	DH13CD	<i>Tan</i>		1,5	0,6	4,5	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13153110	DOÃN ĐỨC HUY	DH13CD	<i>Doan</i>		1,7	0,5	4,2	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13153111	ĐỖ NGỌC QUỐC HUY	DH13CD	<i>Do</i>		1,6	0,7	3,9	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13153009	NGÔ THANH HUY	DH13CD	<i>Ng</i>		1,7	1,8	4,5	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13153114	NGUYỄN HUỖNH QUANG HUY	DH13CD	<i>Huy</i>		1,7	0,6	4,7	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13153115	NGUYỄN PHÚC HUY	DH13CD	<i>Phuc</i>		1,7	1	3,6	6,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12153105	QUÁCH TRỌNG HUY	DH12CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13153119	NGUYỄN VĂN HƯNG	DH13CD	<i>Hung</i>		1,4	0,3	2,4	4,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13153120	TRƯƠNG NGỌC HƯNG	DH13CD	<i>Hung</i>		1,8	1,8	4,4	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13153121	VŨ THỊ KIM HƯƠNG	DH13CD	<i>Huong</i>		1,4	0,6	4	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hì nh họ c họ a hì nh- vẽ kỹ thuậ t-207108

Ngày Thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi TV103 Nhóm : 07 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ trò n điể m phầ n nguyê n	Tổ trò n điể m phầ n lẻ
52	13153122	MAI ĐỨC	HỮU	DH13CD	14	1,4	1,3	3,8	6,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13153011	CHU VĂN	LONG	DH13CD	long	1,6	0,8	3,9	6,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13153012	NGUYỄN HỮU	LỘC	DH13CD	lo	1,6	0,5	2,7	4,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	13115268	TRẦN BÁ	LỘC	DH13GN	Loc	1,8	1,6	4,2	7,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	13153013	HUỖNH MINH	LÝ	DH13CD	ly	1	0,6	3	4,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	13153014	TRẦN ĐÌNH	MINH	DH13CD						(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	13153015	CHU HOÀI	NAM	DH13CD	Nam	1,5	0,4	1,2	3,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	13153016	NGUYỄN MINH	NGỌC	DH13CD	ngoc	1,5	0,6	1,5	3,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12115146	VÕ THỊ XUÂN	NHÂN	DH12GB	xuân	0,9	0,6	1,2	2,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	13153017	HỒ VĂN	QUANG	DH13CD	q	1,8	0,5	4,2	6,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	13153018	DIỆP CHÍ	QUÂN	DH13CD	qu	1,4	0,6	2,4	4,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	13153032	NGUYỄN QUANG	QUÂN	DH13CD						(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	13153019	PHAN VĂN	SINH	DH13CD	sin	1,6	1,2	3,6	6,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	13153020	HỒ HOÀNG	TÂM	DH13CD	ham	1,6	1	5	7,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	13153021	CAO THANH	TÂN	DH13CD	Tan	0,9	0,5	1,2	2,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	12115256	TRẦN VIỆT	TÂN	DH12GN	vi	1,6	1,6	4,2	7,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	13153023	TẶNG THÀNH	THẢO	DH13CD	th	1	0,6	3,9	5,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hí nh họ c họ a hị nh- vẽ kỹ thuậ t-207108

Ngày Thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi TV103 Nhóm : 07 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô trò n điể m phầ n nguyên n	Tô trò n điể m phầ n lẻ
69	13153024	LÊ VĂN THUẬN	DH13CD			1,8	0,8	4,4	5,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	13153025	ĐẶNG VĂN THUYẾT	DH13CD			1,5	0,7	1,8	4,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	12115307	HUỖNH VĂN TÍNH	DH12GB			1,7	0,7	3,9	6,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	13115123	TRẦN THỊ THANH	DH13CB			1,6	0,6	3,9	6,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	13115448	NGUYỄN THỊ THANH	DH13CB			1,7	1,2	3,6	7,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	13153026	PHẠM LÂM ANH	DH13CD			1,6	0,6	4,5	6,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	12153193	LÊ VĂN TƯ	DH12CD							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	13153029	TRẦN VĂN VỊ	DH13CD			0,9	0,8	3	4,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	13153027	ĐÀO HOÀNG VINH	DH13CD			1,5	0,6	3,9	6,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	13153028	NGÔ TẤN VINH	DH13CD			1,3	0,5	3,6	5,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	13153030	TÀ NGỌC SƠN	DH13CD			0,9	0,5	1,8	3,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	13153031	TRẦN THỂ VƯƠNG	DH13CD			1,5	0,6	1,2	3,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 9

Hiện diện : 71

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xá c nhậ n củ a khoa/bộ môn

Cá n bộ chấ m thi 1

Cá n bộ chấ m thi 2

N.V. Kiệp

Lê Quang Hiên

TS. Nguyễn Thị Thanh

P.h.s. TS. Trần Thị Thanh

Nguyễn Thị Kiều Thanh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học công nghệ kỹ thuật - 207108

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phông thi HD301 Nhóm : 08 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (40%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	11134006	LÂM NGỌC BÍCH	DH11GB	<i>[Signature]</i>		2,3	0,6	1,1	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13153281	NGUYỄN HỮU CẢNH	DH13CD							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13153283	VÕ QUỐC DANH	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,8	1,4	1,7	4,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13153123	TRẦN MINH KHA	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,4	0,7	3,0	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13153124	NGUYỄN TRỌNG KHANG	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,5	0,4	3,6	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13153125	NGUYỄN MINH KHANH	DH13CD	<i>[Signature]</i>		2,3	1,3	3,3	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13153127	PHẠM QUỐC KHÁNH	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1	0,9	3,0	4,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13153128	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	DH13CD	<i>[Signature]</i>		2,7	1,8	2,9	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13153129	NGUYỄN ĐÌNH ĐĂNG KHOA	DH13CD	<i>[Signature]</i>		2,3	1,2	2,9	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13153130	TRẦN VĂN KHOA	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,7	0,4	3	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13153136	NGUYỄN NHẬT KING	DH13CD	<i>[Signature]</i>		2,3	0,8	2,2	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13153137	PHẠM THÁNH KÔNG	DH13CD							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13153138	TRẦN QUANG KỲ	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,6	1,5	2	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13153144	TRƯƠNG VĂN LÊ	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,8	0,7	3,9	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13153146	TRẦN TẤN LỢI	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,9	0,6	1,5	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13153147	VÕ THÀNH LUÂN	DH13CD	<i>[Signature]</i>		2,1	0,3	2,0	4,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13153150	NGUYỄN TIẾN MẠNH	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,5	0,9	2,3	4,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học công nghệ kỹ thuật - 207108

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD301 Nhóm : 08 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
18	13153152	ĐẶNG HOÀNG	NAM	DH13CD	Thư	2,3	0,2	2,6	5,1	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	13153155	NGUYỄN HOÀI	NAM	DH13CD	Hoài	1,6	0,2	1,8	3,6	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	13153156	PHẠM NGỌC	NAM	DH13CD	Ngọc	2,4	0,3	3,5	6,2	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	13153159	HUỶNH TRỌNG	NGÂN	DH13CD						(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	13153282	ĐẶNG ĐẠI	NGỌC	DH13CD						(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	13153160	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	DH13CD						(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	13153161	CAO ĐÌNH	NGUYỄN	DH13CD	Nguyen	0,9	0,7	2,7	4,3	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	13153164	LƯU NGỌC	NHÂN	DH13CD	Nguyen	0,3	0	2,7	3,0	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	13153165	NGUYỄN THÁNH	NHÂN	DH13CD	Nguyen	1,8	1,4	2,8	6,0	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	13153166	PHAN THÁNH	NHÂN	DH13CD	Phan	2,2	0,6	3,9	6,7	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	13153168	NGUYỄN HOÀNG MINH	NHẬT	DH13CD	Nguyen	1,9	0,2	3,5	5,6	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	13153170	LÊ MINH	PHI	DH13CD	Phi	1	1,4	2,5	4,9	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	13153171	ĐOÀN TRẦN THANH	PHONG	DH13CD						(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	13153172	NGUYỄN TIẾN	PHONG	DH13CD	TD	1,8	0,5	1	3,3	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	13153173	NGUYỄN VĂN	PHONG	DH13CD	Van	2	0,8	1,2	4,0	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	13153176	HUỶNH NGUYỄN	PHÚC	DH13CD	Phuc	1,7	0,5	3,0	5,2	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	13153181	NGUYỄN HOÀNG	PHƯƠNG	DH13CD	Phuong	0,9	0,3	0,5	1,7	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học và vẽ kỹ thuật t-207108

Ngày thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi HD301 Nhóm : 08 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (30%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
35	13153284	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	DH13CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13153186	TRẦN MINH QUANG	DH13CD	Quang		0,6	0	1,1	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	13153191	LÊ TRONG QUỐC	DH13CD	Quốc		0	0	1,7	1,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13153196	THÂN VĂN QUYẾT	DH13CD	Quyết		1,6	0,8	2,2	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13153197	DƯƠNG QUYNH	DH13CD	Quynh		2,5	1,9	3,6	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13138172	NGUYỄN VĂN SANG	DH13TD	Sang		2,2	0,5	3,2	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13153202	NGUYỄN TÂN SỸ	DH13CD	Tân		3	0,7	3	5,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13153204	PHAN THƯƠNG HOÀNG LINH	DH13CD	Tâm						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13153206	NGUYỄN HÀ TÂN	DH13CD	Tân		1,5	0,5	3,5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13153208	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	DH13CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13153211	HUYỀN VÕ MINH THẮNG	DH13CD	Th		1,9	1,2	1,2	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13153213	NGUYỄN HỒNG THẮNG	DH13CD	Th		2,4	1,7	3,8	7,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13153215	HÀ VĂN THI	DH13CD	Th		2,2	1,6	4,2	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13153216	LÊ BÙI THI	DH13CD	Th		2,4	1,6	3,3	7,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13153219	TÔN THẮT THIÊN	DH13CD	Th		0,3	0	0,5	0,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13153223	TRẦN HỮU THỌ	DH13CD	Th		2,2	0,9	4,2	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13153222	TRƯƠNG PHI THOÀN	DH13CD	Th		1,9	0,6	1,5	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Hình học cho a hình vẽ kỹ thuật-207108

Ngày thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD301 Nhóm : 08 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (30%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
52	13153224	LÊ TỰ QUỐC	THÔNG	DH13CD		2,0	0,9	2,6	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13137140	NGUYỄN VINH	THUẬN	DH13NL		0,4	0,3	2,1	2,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13153229	LÊ QUYẾT	TIẾN	DH13CD		0,7	0,1	0,5	1,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	13153232	NGUYỄN THÀNH	TIẾN	DH13CD		1,9	1,8	3	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	13153233	NGUYỄN VĂN	TIẾN	DH13CD		2,1	0	2	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	13153236	PHẠM TRỌNG	TÍN	DH13CD		1,9	1,3	4,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	13153238	MAI THANH	TÍNH	DH13CD		2,3	0,7	3	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	13153243	NGUYỄN LÊ MINH	TRÍ	DH13CD		2	1,3	3	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	13153244	NGUYỄN THANH	TRÍ	DH13CD		1,7	0,8	2,2	4,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	13153240	NGUYỄN CÔNG	TRIỂN	DH13CD		2,1	1,8	3,4	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	13153285	NGUYỄN QUANG	TRUNG	DH13CD		2,2	1,2	3,0	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	13153245	NGUYỄN TIẾN	TRUNG	DH13CD		1,6	0,7	2	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	13153246	TỬ SỸ	TRUNG	DH13CD		0	0	1,3	1,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	13153247	ĐÌNH MANH	TRƯỜNG	DH13CD		1,7	0,8	1,5	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	13153250	NGUYỄN NHỰT	TRƯỜNG	DH13CD						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	13153251	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	DH13CD		1,5	0,2	1,4	3,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	13153253	ĐỒNG ANH	TUẤN	DH13CD		1,6	1,3	1,8	4,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học phẳng và kỹ thuật - 207108

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi HD301 Nhóm : 08 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (40%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
69	13153255	LÊ NGỌC TRIỆU	TUẦN	DH13CD	<i>Thuan</i>	0,9	0,1	0,5	1,5	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	13153256	LÊ XUÂN	TUẦN	DH13CD	<i>Phu</i>	2,1	0,4	1,7	4,2	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	13153259	TRẦN THANH	TUẦN	DH13CD	<i>Thanh</i>	1	0,8	3	4,8	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	13153260	NGUYỄN HUY	TUẦN	DH13CD	<i>Huy</i>	2,2	0,4	1,4	4,0	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	13153264	TRƯƠNG THANH	TUẦN	DH13CD						4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	13153261	TRƯƠNG VĂN	TUẦN	DH13CD						4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	13153268	NGUYỄN CAO	VĂN	DH13CD						4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	13153269	VŨ THÀNH	VĂN	DH13CD	<i>Thanh</i>	2,1	0,4	2,7	5,2	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	13153272	ĐINH QUỐC	VŨ	DH13CD	<i>Quoc</i>	1,1	0,8	2,8	4,7	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	13153275	LÊ VĂN	VŨ	DH13CD	<i>Phu</i>	1,5	0,6	1,5	3,6	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	13153278	PHẠM TUẤN	VŨ	DH13CD						4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	13153280	LƯƠNG TRUNG	VŨ	DH13CD	<i>Trung</i>	2,2	1	3,4	6,6	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng mặt:

Hiệu điểm:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Thanh
Bùi Công Thanh

Phu
Nguyễn Thanh Phú

Phu
TS. Vũ Thị Tiên

Phu
Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Phu
Vũ Thị Tiên

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học phẳng và kỹ thuật - 207108

Ngày thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV301 Nhóm : 09 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	13118067	THÁI VĂN AN	DH13CX							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118068	TRẦN HÙNG AN	DH13CX							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118069	HUYỀN BẢO ANH	DH13CX							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118071	MAI CÔNG ANH	DH13CX	all		1,6	0,4	4,2	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118002	ĐẶNG NGỌC AN	DH13CX	K		1,5	0,5	2,4	4,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118082	NGUYỄN ĐÌNH BÌNH	DH13CX							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118006	TRẦN QUANG CHUNG	DH13CX	Ca		1,5	1,8	1,2	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118086	LÊ VĂN CHƯƠNG	DH13CX							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118088	LÊ ĐỨC CÔNG	DH13CX							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118091	NGUYỄN DUY CƯỜNG	DH13CX							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118007	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	DH13CX	Cuong		1,5	0,9	1,2	3,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118094	NGUYỄN THẾ DOANH	DH13CX	N		0,7	0,4	4	5,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118095	LƯU TRẦN TẤN DUY	DH13CX	Duy		1,6	1	3,9	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118008	NGUYỄN HOÀI ANH DUY	DH13CX	D		1,6	1,3	3,9	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118097	NGUYỄN HOÀNG DUY	DH13CX	Duy		1,3	0,4	3,3	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13118104	NGUYỄN ĐÔNG DƯƠNG	DH13CX	Duy		1,2	1	3,6	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118105	TRẦN TÙNG DƯƠNG	DH13CX							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học công nghệ kỹ thuật - 207108

Ngày Thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi TV301 Nhóm : 09 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
18	13118108	LÂM HỮU NGUYỄN	ĐAN	DH13CX						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13118010	LÊ TIẾN	ĐẠT	DH13CX	Adb	1,3	0,5	1,2	3,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118112	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	DH13CX	Sz	1,6	0,6	1,2	3,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118115	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	DH13CX						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118116	NGUYỄN CƠ	ĐIỀU	DH13CX	Ru	1,1	0,3	0,6	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118119	NGÔ HỮU HOÀI	ĐỖ	DH13CX						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118121	NGUYỄN DOÃN	ĐỨC	DH13CX	Chv	1,1	0,8	1,2	3,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118122	NGUYỄN MINH	ĐỨC	DH13CX						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13118011	TRẦN ĐÌNH	ĐỨC	DH13CX	ba	1,6	0,8	3,8	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13118123	TRỊNH ĐÌNH THANH	ĐỨC	DH13CX	hdp	1,2	0,2	3,3	4,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13118013	ĐỖ HỮU	HÀ	DH13CX						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118127	THÁI VĂN	HÀ	DH13CX						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13118130	NGUYỄN CHÍ	HẢI	DH13CX						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13118132	NGUYỄN VĂN	HẢI	DH13CX						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13118015	VŨ ĐÌNH	HẢI	DH13CX	Hai	1,5	0,2	3,3	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13118133	NGUYỄN HOÀNG	HẢO	DH13CX	Hao	1,6	1,8	4,2	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13118135	TRẦN TUẤN	HIẾN	DH13CX	Phuc	1,7	1,3	4,8	7,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học phẳng và kỹ thuật vẽ kỹ thuật t-207108

Ngày Thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV301 Nhóm : 09 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (2%)	Đ 2 (2%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
35	13118016	NGUYỄN TRUNG HIỆU	DH13CK							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13118140	ĐẶNG NGỌC HIỆU	DH13CK	Đặng		0,9	1	4,2	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	13118017	TRẦN VĂN HIỆU	DH13CK	Trần		1,6	0,4	4,5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13118147	NGUYỄN THÁI HÒA	DH13CK	Nguyễn		1,7	1,0	4,5	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13118141	TRỊNH VĂN HOÀN	DH13CK							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13118020	NHỮ SỸ HÙNG	DH13CK	Hùng		1,8	1,7	5,0	8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 (8,5 phần)
41	13118153	GAO THANH HUY	DH13CK							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13118156	ĐỖ MINH HUY	DH13CK	Đỗ		1,5	0,1	3,9	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13118159	LƯU QUỐC HUY	DH13CK	Lưu		1,7	0,8	4,2	6,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12118042	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG	DH12CC	Nguyễn		1,7	0,8	4,2	6,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13118161	HOÀNG PHẠM THANH HUY	DH13CK	Hoàng		1,7	0,2	4,2	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13118169	NGUYỄN TRỌNG HỮU	DH13CK	Nguyễn		0,4	0,1	3,6	4,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13118176	LÊ ĐÌNH KHÁ	DH13CK	Khá		1,6	0,2	3,3	5,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13118174	TRƯƠNG CHÍ KHANG	DH13CK	Trương		1,8	1,8	2,4	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13118021	LƯƠNG PHAN BÀ KHỎE	DH13CK	Lương		1,7	1,3	3,9	6,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12138126	NGUYỄN DUY KHƯƠNG	DH12TD	Nguyễn		1,5	0,2	3,9	5,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13118024	NGÔ MINH LAN	DH13CK	Ngô		1,7	0,5	1,2	3,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học và giải tích - kỹ thuật t-207108

Ngày thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV301 Nhóm : 09 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (tổng %)	Đ 2 (tổng %)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tổng tròn điểm phần nguyên	Tổng tròn điểm phần lẻ
52	13118025	NGUYỄN HOÀNG	LIÊM	DH13CK	<i>Hoàng</i>	1,7	0,8	3,6	6,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13115256	TRIỆU THỊ	LIÊN	DH13GB	<i>Liên</i>	1,6	1,6	3,6	6,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12138072	DƯƠNG VĂN	LỘC	DH12TD	<i>Dương</i>	1,7	0,8	3,9	6,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	13118030	TRẦN QUỐC	NAM	DH13CK	<i>Quốc</i>	1,6	1,5	4,5	7,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	13115290	TRẦN NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	DH13GN	<i>Ngô</i>	1,8	1,8	4,8	8,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	13118033	PHẠM ĐÌNH	NGUYỄN	DH13CK	<i>Phạm</i>	1	0,9	4,2	6,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	13118035	NGUYỄN ĐÌNH	NHẬT	DH13CK	<i>Nguyễn</i>	1,6	0,8	2,4	4,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12115150	PHẠM CÔNG	PHÚ	DH12OT	<i>Phạm</i>	1,5	0,5	3,3	5,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	13118039	HUỖNH HỒNG	PHÚC	DH13CK	<i>Huỳnh</i>	1,6	0,4	3,3	5,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	13118040	NGUYỄN VĂN	PHỤNG	DH13CK	<i>Nguyễn</i>	1,8	0,8	3,6	6,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	13118041	LÊ MINH	PHƯƠNG	DH13CK	<i>Lê</i>	1,5	0,2	0,6	2,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	13118044	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	DH13CK	<i>Nguyễn</i>	1,6	0,1	2,3	4,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	13118045	NGUYỄN VĂN	SANG	DH13CK	<i>Sang</i>	1,3	0,5	1,2	3,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	13118047	PHẠM MINH	TÀI	DH13CK	<i>Phạm</i>	1,5	0,1	3,9	5,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	13118049	LƯƠNG NGỌC	TẤN	DH13CK	<i>Lương</i>	1,7	0,5	3,9	6,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	13115387	TRẦN XUÂN	THẮNG	DH13GN						(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	11153031	PHẠM TRƯỞNG	THỊNH	DH11CD	<i>Phạm</i>	1,6	0,2	4,8	6,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hì nh họ c họ a hữ nh- vẽ kỹ thuậ t-207108

Ngày Thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi TV301 Nhóm : 09 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô trỏ n điể m phầ n nguyên	Tô trỏ n điể m phầ n lẻ
69	13118054	ĐOÀN VĂN THOẠI	DH13CK	<i>Thoi</i>		1,8	1,1	4,8	7,7	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
70	13118058	LÊ QUANG TRỌNG	DH13CK	<i>Truong</i>		1,7	1,3	4,5	7,5	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
71	13118059	TRẦN VĂN TRỌNG	DH13CK	<i>Truong</i>		1,7	1,5	5,1	8,3	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
72	13118060	PHẠM QUANG TRUNG	DH13CK	<i>Quang</i>		1,7	0,1	3,6	5,4	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
73	13118062	NGUYỄN MINH TÙNG	DH13CK	<i>Tung</i>		1,5	0,2	2,4	4,1	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
74	13118064	NGUYỄN VĂN TYL	DH13CK	<i>Tyl</i>		0,5	0,2	1,8	2,5	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Kiên & Đức

TS. Nguyễn Thị Thanh

PGS. TS. Trần Thị Thanh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hì nh họ c họ a hị nh- vẽ kỹ thuậ t-207108

Ngày thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi PV223 Nhóm : 10 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (50%)	Đ 2 (50%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tô trò n điể m phầ n nguyê n	Tô trò n điể m phầ n ié
1	12154112	NGUYỄN CÔNG HẦU	DH12OT	<i>Như</i>		2	6,1	2,7	4,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	13115230	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	DH13GN	<i>Như</i>		2,6	1,8	3,7	8,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	13118181	NGUYỄN VĂN KHÁNH	DH13CK	<i>K</i>		2,1	0,1	2,5	4,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	13118367	HUỖNH ĐĂNG KHOA	DH13CK	<i>Như</i>		2,2	1	2,7	5,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
5	13118185	PHẠM THANH	DH13CK							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	13118186	ĐÀO XUÂN	DH13CK							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	13118189	NGUYỄN HỮU KIẾT	DH13CK	<i>Kuy</i>		2,4	0,8	3,5	6,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	13118191	NGUYỄN TÙNG LÂM	DH13CK	<i>Ruc</i>		2,2	1,4	4,2	7,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	13118197	NGUYỄN CHÍ LINH	DH13CK	<i>linh</i>		2,5	1,6	3,9	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	13118199	ĐÀO HUY LONG	DH13CK	<i>Đào</i>		1	0	1,7	2,7	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	13118200	ĐẶNG HOÀNG LONG	DH13CK	<i>Long</i>		2,2	0,4	3,6	6,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	13118201	NGUYỄN TÂN	DH13CK							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	13118204	TRƯƠNG THANH LỰC	DH13CK	<i>Lực</i>		2,4	0,7	2,8	5,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
14	13118206	NGUYỄN VĂN MẠNH	DH13CK	<i>Như</i>		2,1	0,5	1,5	4,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	13118205	NGUYỄN BÁ MẠY	DH13CK	<i>Máy</i>		2	0	2	4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	13118208	BÙI LƯƠNG BẢO MINH	DH13CK	<i>BM</i>		2,1	0,2	1,7	4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	13118214	TRẦN HOÀI NAM	DH13CK	<i>Như</i>		1,6	0,1	2	3,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 10

Tổ : 001

Trang 2/3

Mã nhận dạng 00776

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học phẳng và kỹ thuật - 207108

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi PV223 Nhóm : 10 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (40%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
18	13118215	MAI THANH	NGA	DH13CK						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13118216	HÀ HỮU	NGHĨA	DH13CK						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118218	LÊ VŨ TRƯỜNG	NGỌC	DH13CK	<i>Ngô</i>	2,3	1,5	3,4	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118219	TRỊNH ĐÌNH VŨ	NGỌC	DH13CK	<i>Ngô</i>	0,8	0,2	1,5	2,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118221	VŨ VĂN	NGUYỄN	DH13CK	<i>Nguyễn</i>	0,8	0,1	1,4	2,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118223	NGUYỄN THIÊN	NHÂN	DH13CK						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118225	TRẦN VĂN	NHÂN	DH13CK						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11154046	NGUYỄN TRỌNG	NHON	DH11OT	<i>Ch</i>	2	0,2	1,2	3,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13118229	BÙI PHAN HOÀNG	PHI	DH13CK						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13118230	CAO HOÀNG	PHI	DH13CK	<i>Phi</i>	1,8	0,7	2,3	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13118231	NGUYỄN VĂN	PHI	DH13CK	<i>Phi</i>	2	0,1	2	4,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118232	BÙI TẤN	PHONG	DH13CK	<i>Phong</i>	2,3	1,2	2,1	5,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13118234	NGUYỄN HOÀNG	PHONG	DH13CK	<i>Ngô</i>	0,8	0,6	1,6	3,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13118235	NGUYỄN VĂN	PHONG	DH13CK						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13118237	LÊ HỒNG	PHÚC	DH13CK						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13118239	HUỖNH VŨ	PHƯƠNG	DH13CK	<i>Phu</i>	2,2	1,4	3,4	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng mặt: 10 Hiệu điểm: 23

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2

Nguyễn Văn Kiệp
N.V. Kiệp

Đào Duy Vinh
Đào Duy Vinh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh
Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh
Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh
Nguyễn Thị Kiều Hạnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hì nh họ c họ a hì nh- vẽ kỹ thuậ t-207108

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi PV225 Nhóm m : 10 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (30%)	Đ 2 (30%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	13118241	NGÔ DUY QUANG	DH13CK	<i>Luc</i>		2	4,3	2,3	5,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	13118242	NGUYỄN NGỌC THIÊN	QUANG	DH13CK						☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	13118244	NGUYỄN VĂN	QUANG	DH13CK						☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	13118249	TẠ VĂN QUYẾN	DH13CK	<i>Quyến</i>		1,9	1,2	2,2	5,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	13118255	HỒ HOÀNG SƠN	DH13CK	<i>Son</i>		2,1	0,6	2	4,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	13118258	TRẦN HÒA	SỰ	DH13CK						☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	13118259	HUYỀN TRONG TÀI	DH13CK	<i>Tài</i>		1,7	0,4	1,9	4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	13118262	LÊ TẤN	TÀI	DH13CK						☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	12115027	BÙI VĂN	TÂM	DH12CB						☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	13118269	VÕ MINH TÂY	DH13CK	<i>Tây</i>		1,9	1,8	3,8	7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	13118276	ĐÀM MINH THÁI	DH13CK	<i>Th</i>		2,4	1,5	3,5	7,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	13118271	NGUYỄN ĐÌNH	THANH	DH13CK						☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	13118279	TRƯƠNG QUANG THANH	DH13CK	<i>Th</i>		2,3	0,4	2,1	4,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	13118282	TRẦN NAM THẮNG	DH13CK	<i>Th</i>		2,6	0,9	3	6,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	12115215	NGUYỄN XUÂN	THỂ	DH12GN						☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	13118285	NGUYỄN PHÚ THỊNH	DH13CK	<i>Th</i>		1,7	0,2	2,9	4,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	13118286	PHAN MINH THÔNG	DH13CK	<i>Th</i>		2,3	0,5	2,9	5,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học và đại số - kỹ thuật - 207108

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi PV225 Nhóm : 10 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
18	13118290	PHẠM QUỐC THUYỀN	DH13CK	<i>Thuy</i>		2,1	0,7	2,5	5,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	13118291	PHẠM HỮU THƯỜNG	DH13CK	<i>Thuy</i>		2,1	0,3	2,6	5,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	13118295	HOÀNG ĐÌNH TIẾN	DH13CK							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	13118301	LÊ ĐỨC TÍN	DH13CK	<i>Minh</i>		1,8	0,5	1,2	3,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	13118307	NGUYỄN TRIỆU TOÀN	DH13CK	<i>Minh</i>		2,2	0,4	2,2	4,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	13115431	PHẠM NGUYỄN UYÊN	DH13GN	<i>Minh</i>		2	0,2	1,8	4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	13118312	BẠCH HUY TRÍ	DH13CK	<i>Minh</i>		2,4	1,8	1,8	6,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	13118310	BÙI THANH TRIỂN	DH13CK	<i>Minh</i>		2	0,7	1,8	4,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	13118313	ĐẶNG XUÂN TRỌNG	DH13CK	<i>Minh</i>		1,9	0,6	2,8	5,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	13118317	LÊ QUỐC TRUNG	DH13CK	<i>Minh</i>		2,6	1,9	4,0	8,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	13118320	NGUYỄN QUỐC TRUNG	DH13CK	<i>Minh</i>		2,2	1,7	3,1	7,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	13118321	TRẦN MINH TRUNG	DH13CK	<i>Minh</i>		0,9	0,6	2,5	4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	13118364	TRƯƠNG CÔNG HOÀI	DH13CK	<i>Minh</i>		2,3	1,5	2,3	6,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	13118327	NGUYỄN PHAN HẢI	DH13CK							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	13118330	ĐOÀN MINH TUẤN	DH13CK	<i>Minh</i>		1,8	0,2	1,5	3,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	13118332	LÊ QUỐC TUẤN	DH13CK	<i>Minh</i>		1,8	0,3	2,4	4,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	13118335	NGUYỄN LÊ ANH	DH13CK							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Hình học phẳng và hình học giải tích - 207108

Ngày thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV225 Nhóm : 10 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (40%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
35	13118337	NGUYỄN THANH TUẤN	DH13CK	<i>Tuấn</i>		2,2	1,6	3,2	7,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	13118341	LÊ THANH TÙNG	DH13CK							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	13118343	PHẠM THANH TÙNG	DH13CK	<i>Thy</i>		2,2	1,8	2,0	6,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	13118339	NGUYỄN MINH TUYẾN	DH13CK	<i>Nguyen Minh Tuyen</i>		1,6	0,6	2	4,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	13118366	LÊ TẤN VŨ	DH13CK	<i>Le Tan Vu</i>		2,3	0,2	1,5	4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	13118357	TRẦN ANH VŨ	DH13CK							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
41	13118358	VŨ ĐỨC VŨ	DH13CK	<i>Vu Duc Vu</i>		2,2	1,8	3,0	7,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
42	13118359	VŨ GIA VŨ	DH13CK	<i>Vu Gia Vu</i>		1	0,7	3	4,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

Số lượng vắng : 12 Hiện diện : 30

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2

Nguyen Thi Lieu Hanh

Phan Minh Hien

Nguyen Thi Lieu Hanh

Nguyen Thi Lieu Hanh

Nguyen Thi Lieu Hanh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hì nh họ c họ a hữ nh- vẽ kỹ thuậ t-207108

Ngày Thi : 16/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phò ng thi HD303 Nhóm : 11 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ trò n điể m phầ n nguyên n	Tổ trò n điể m phầ n lẻ
1	13137008	VŨ TUẤN ANH	DH13NL	<i>Anh</i>		0,61	2,7	4,3		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	13137011	NGUYỄN THIÊN AN	DH13NL	<i>An</i>		0,9	1,7	2,9	5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	13137013	ĐẶNG HOÀI BẢO	DH13NL	<i>Bao</i>		1	1,7	2,4	5,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	13137015	PHẠM THÁI MINH BẢO	DH13NL	<i>Bao</i>		0,9	1,9	3,5	6,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	13137019	NGUYỄN VĂN BÌNH	DH13NL	<i>Binh</i>		0,9	1,6	2,9	5,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	13137026	NGUYỄN MINH CHÂU	DH13NL	<i>Chau</i>		1	2,1	4	7,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	13137028	TRẦN MINH CHUÔNG	DH13NL	Vuong						☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	12344022	NGUYỄN HOÀNG CÔNG	CD12CI	<i>Con</i>		0,1	0,1	4,3	4,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	13137029	LÊ A DÀNG	DH13NL	<i>Da</i>		0,9	2	5,2	8,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	12153042	NGÔ ANH DŨNG	DH12CD	<i>Dung</i>		1	2,3	4,7	8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	13137039	NHƯ SỸ DŨNG	DH13NL	Vuong						☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	13137041	TRẦN NGỌC DŨNG	DH13NL	<i>Dung</i>		0,3	0,5	0,4	1,2	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	13137032	ĐỖ VĂN DUY	DH13NL	<i>Duy</i>		0,7	1,1	1,4	3,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	13137033	LÊ QUANG DUY	DH13NL	Vuong						☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	13137034	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	DH13NL	Vuong						☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	13137035	PHẠM LÊ KHÁNH DUY	DH13NL	Vuong						☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	13137036	TRẦN KHÁNH DUY	DH13NL	<i>Duy</i>		1	1,6	4,1	6,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học cho kỹ thuật - 207108

Ngày Thi : 16/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD303 Nhóm : 11 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13137037	TRẦN NGỌC DUY	DH13NL	<i>Duy</i>	1	2,5	5,6	9,1		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	13137045	LÂM QUỐC ĐẠT	DH13NL	<i>Đạt</i>	1	2,6	3,3	6,9		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
20	13137046	NGUYỄN TÂN ĐẠT	DH13NL	<i>Duy</i>	0,1	0,3	2,7	4		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	13137047	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH13NL	<i>Đạt</i>	1	2,1	4,2	7,3		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	13137048	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	DH13NL	<i>Đạt</i>	0,9	1,9	2	4,8		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	12344039	NGUYỄN QUANG ĐỨC	CD12CI	<i>Đức</i>	0,3	0,7	1,9	2,9		☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
24	13137051	NGUYỄN HOÀNG GIANG	DH13NL	<i>Giang</i>	1	2,4	3,9	7,3		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	13137052	HUYNH TÂN HANH	DH13NL	<i>Hanh</i>	0,6	1,3	3,2	5,1		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	13137053	CAO GIA HÂN	DH13NL	<i>Hân</i>	0,8	1,8	5,2	7,8		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	13137054	NGÔ HỮU HẬU	DH13NL	<i>Hậu</i>	0,9	2	3,8	6,7		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	13137001	NGUYỄN DUY HẬU	DH13NL	<i>Hậu</i>	0,9	1,8	4,4	7,1		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	13137002	NGUYỄN TÂN HẬU	DH13NL	<i>Hậu</i>	1	2,5	3,3	6,8		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	13137055	NGUYỄN THANH HIỀN	DH13NL	<i>Hiền</i>	1	2,2	3,3	6,5		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	13137058	MAI HOÀNG HIỆP	DH13NL	<i>Hiệp</i>	1	2,2	3,3	6,5		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	13137056	ĐỖ VĂN HIẾU	DH13NL	<i>Hiếu</i>	1	2,4	3,9	7,3		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	13137065	HUYNH NGUYỄN HÒA	DH13NL	<i>Hòa</i>	0,9	1,7	3,1	5,7		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	13137059	NGUYỄN NGỌC HOAN	DH13NL	<i>Hoan</i>	0,8	1,4	3,6	5,8		☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học phẳng và kỹ thuật - 207108

Ngày Thi : 16/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phóng thi HD303 Nhóm : 11 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
35	13137063	HUỖNH DẮNG	HOÀNG	DH13NL	Vàng					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13115219	NGUYỄN THANH	HOÀNG	DH13CB	Huỳnh	1	2,3	3,9	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	13137068	LÊ VĂN	HÙNG	DH13NL	Vàng	0,9	1,4	2,5	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13137069	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	DH13NL	Huỳnh	0,9	1,7	2,7	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13137070	VŨ VIỆT	HÙNG	DH13NL	Huỳnh	0,8	1,7	2,4	4,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13137071	TÔ QUỐC	HÙNG	DH13NL	Huỳnh	0,9	1,9	3,4	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13137073	NGUYỄN HÙNG	KHANG	DH13NL	Kháng	1	2,1	3,6	6,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13137076	ĐỖ ĐĂNG	KHOA	DH13NL	Đỗ	0,8	1,7	3,9	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13137079	PHAN ĐĂNG TUẤN	KHÔI	DH13NL	Vàng	0,9	1,8	3,9	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13137080	LÊ THÀNH	KHÔI	DH13NL	Thành	0,9	1,9	3,6	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13137081	VŨ ĐÌNH NGUYỄN	KHƯƠNG	DH13NL	Khương	1	2	3,4	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12344198	CAI TRUNG	KIỆT	CD12CI	Kiệt	0,1	0,2	3,6	3,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13115056	PHẠM VŨ	KIỆT	DH13CB	Kiệt	0,9	1,6	2,2	4,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13137083	CHU BẢ HOÀNG	LÂM	DH13NL	Lâm	1	2	3,2	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13137084	BÙI TÙNG	LINH	DH13NL	Vàng					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12115084	TRẦN THỊ	LỢI	DH12CB	Thị	1	2,7	5,4	9,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12344082	LÊ VĂN	LUYỆN	CD12CI	Luyện	1	2,3	4,4	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Hì nh họ c họ a hì nh- vẽ kỹ thuậ t-207108

Ngày Thi : 16/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phò ng thi HD303 Nhóm : 11

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô trỏ n điể m phầ n nguyên	Tô trỏ n điể m phầ n lẻ
52	12115294	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	DH12CB	<i>My</i>	1	2,7	4,2	7,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12115153	ĐẶNG HOÀI	PHƯƠNG	DH12CB	<i>Ph</i>	0,9	1,8	3,5	6,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12115310	LÊ THỊ HỒNG	PHƯƠNG	DH12CB	<i>Ph</i>	1	2,4	3,9	7,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	13137120	TRẦN VĂN	SƠN	DH13NL	<i>Son</i>	1	2,4	4,8	8,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12115026	HOÀNG VĂN	TAM	DH12CB	<i>Tam</i>	1	2,8	5,7	9,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12118092	NGUYỄN CHÍ	THÀNH	DH12CK	<i>Ch</i>	0,9	1,7	4,4	7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12115259	NGUYỄN MINH TRUNG	THÀNH	DH12GN	<i>Ch</i>	0	0	1,1	1,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	13115406	LÊ THÂN NHƯ	THÚY	DH13GN	<i>Thu</i>	0,7	1,6	4,3	6,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12137056	NGUYỄN TÂN	TOÀN	DH13NL	<i>Tran</i>	1	2,5	4,1	7,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12344181	VĂN ĐỨC	TOÀN	CD12CI	<i>Toan</i>	0,2	0,2	1	1,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	13137003	NGUYỄN TUẤN	TÚ	DH13NL	<i>Tu</i>	1	1,9	2,8	5,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12118108	LÊ QUANG	TƯỜNG	DH12CK	<i>Ph</i>	0,7	1,1	4,9	6,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	13138251	ĐỖ NGỌC	VIỆT	DH13TD	<i>Ngoc</i>	0,7	1,3	2	4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	13137004	ĐẶNG THỊ MỸ	YẾN	DH13NL	<i>Yen</i>					(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng ng và ng:

Hiệu n điể n : 50

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xá c nhậ n củ a khoa/bộ môn

Cá n bộ chấ m thi 1

Cá n bộ chấ m thi 2

Ng Thị Phương Thảo

Lê Quang Hùng

Vương Đức Bình

Ng Thị Phương Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Hình học và đại số - kỹ thuật - 207108

Ngày thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV219 Nhóm : 12 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần lý thuyết	Tổng điểm phần thực hành
1	13154001	VÕ TRƯỜNG AN	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	1	0,1	3,5	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13154002	BÙI TUẤN ANH	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	2,0	0	3,5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344009	NGUYỄN NGỌC TUẤN	CD12CI	<i>[Signature]</i>	1	1	0,1	3,5	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154004	VÕ QUỐC BẢO	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	2,3	0,8	2,4	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154005	LƯU CÔNG CHÍ	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	2,3	0	3,0	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12344193	NGUYỄN HẢI CHÍ	CD12CI	<i>[Signature]</i>	1	2,0	1,4	3,4	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13154006	HOÀNG MINH CHUÔNG	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	1,8	0,3	3,1	5,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154007	NGUYỄN HUỖNH DUY	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	0,8	0,2	2,5	3,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13154008	VÕ THANH DUY	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	2,3	0,2	1	3,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13154009	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	2,5	0,5	3,0	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154010	VÕ VĂN DƯƠNG	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	1	0,1	3,5	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154012	NGUYỄN VĂN ĐIỂN	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	2,3	0,9	3,9	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13154014	CAO XUÂN GIÁP	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	2,0	0,6	2,1	4,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154015	NGUYỄN TẤN HẢI	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	1,5	0,4	2,1	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153018	ĐƯƠNG SỸ HẠNH	DH12CD	<i>[Signature]</i>	1	1	0,1	3,5	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13154017	NGUYỄN VĂN HẬU	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	2,1	0,1	2,2	4,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13154018	HỒ THANH HẾT	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	2,1	0,3	3,2	5,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hì nh họ c họ a hĩ nh- vẽ kỹ thuậ t-207108

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi PV219 Nhóm : 12 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (30%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tô trỏ n điể m phầ n nguyên n	Tô trỏ n điể m phầ n lẻ
18	13154019	LÊ THỊ MINH	HIỀN	DH13OT		1	2,4	1,6	4,3	8,3	
19	13154020	ĐẬU NGỌC	HIỂU	DH13OT		1	2,3	0,1	3,2	5,6	
20	13154021	TRẦN ĐỨC	HIỂU	DH13OT		1	1,9	0,1	3,2	5,2	
21	13154022	NGUYỄN QUỐC	HOÀNG	DH13OT		✓					
22	13154023	NGUYỄN THANH MINH	HOÀNG	DH13OT		1	2,3	0,5	4,2	7,0	
23	12115291	VĂN NGỌC MỸ	HUYỀN	DH12GN		1	2,3	0,3	2,9	5,5	
24	13154024	LẠI THỊ	HƯƠNG	DH13OT		1	2,2	0,3	2,5	5,0	

Số lượng vắng: 4

Hiệu điểm: 20

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

Lê Văn Tuấn

Nguyễn Đức

TS. Vương Thị Thu

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Vương Thị Thu

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Hình học phẳng và kỹ thuật 207108

Ngày thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phỏng thi PV227 Nhóm : 12 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (30%)	Đ 2 (30%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	12138056	PHẠM NGỌC KHA	DH12TD	<i>Phạm Ngọc Kha</i>		1	0,3	0,8	2,1	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	13154026	TRẦN VĂN KHÁ	DH13OT	<i>Trần Văn Khá</i>		2,1	0,4	2	4,5	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	13154025	NGUYỄN ĐOÀN KHANG	DH13OT	<i>Nguyễn Đoàn Khang</i>		1,7	0,2	2,8	4,5	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	13154027	NGUYỄN LÊ KHOA	DH13OT	<i>Nguyễn Lê Khoa</i>		1,6	0,2	2,0	3,6	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	13154029	HUỖNH VŨ KIẾT	DH13OT	<i>Huỳnh Vũ Kiệt</i>		2	0,5	2,2	4,7	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	13154030	PHẠM VĂN LÂM	DH13OT	<i>Phạm Văn Lâm</i>		1,7	0,4	2,5	4,6	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	13154031	NGUYỄN ĐỨC LINH	DH13OT							(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	13154032	TRƯƠNG THÀNH LONG	DH13OT	<i>Trương Thành Long</i>		2,3	0,2	2,2	4,7	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	13154033	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	DH13OT	<i>Nguyễn Phước Lộc</i>		0,8	0,3	2,0	3,1	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	13154035	CHÂU VĨNH MINH	DH13OT	<i>Châu Vĩnh Minh</i>		2,6	0,3	3,0	5,9	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	13154036	NGUYỄN HOÀNG MINH	DH13OT	<i>Nguyễn Hoàng Minh</i>		2,3	0,9	2,7	5,9	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	13154037	NGUYỄN VĂN NAM	DH13OT	<i>Nguyễn Văn Nam</i>		1,9	0,4	2,0	4,3	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	13154039	NGUYỄN VĂN NGHĨA	DH13OT	<i>Nguyễn Văn Nghĩa</i>		2,2	0,5	1,7	4,4	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	11344030	LÊ MINH NHÂN	CD11CI	<i>Lê Minh Nhân</i>		2,4	1,3	3,3	7,0	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	13115079	DIỄN HỒNG NHI	DH13GN	<i>Diễn Hồng Nhi</i>		2,5	2,0	3,5	8,0	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	13154041	PHẠM HOÀNG NHƯ	DH13OT	<i>Phạm Hoàng Như</i>		2,5	1,1	2,2	5,8	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	13115081	NGUYỄN THỊ ÁI	DH13GN	<i>Nguyễn Thị Ái</i>		2,6	1,5	3	7,1	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học và đại số - kỹ thuật 1-207108

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi PV227 Nhóm : 12 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (30%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi (50%)	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
18	13154042	NGUYỄN VĂN PHI	DH13OT	<i>Phi</i>		2,6	1,6	3,5	7,7	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13154043	NGUYỄN HỮU PHONG	DH13OT	<i>Phong</i>		2,0	0,6	2,6	5,2	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13154044	NGUYỄN THÀNH PHÚC	DH13OT	<i>Phuc</i>		2,2	0,4	2,5	5,1	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13154045	TĂNG HỒNG PHÚC	DH13OT	<i>Phuc</i>		1,6	0,6	2,5	4,7	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13154046	VĂN VŨ HOÀNG	DH13OT	<i>Phuc</i>		2,7	1,5	4,7	8,9	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13154047	HÀ ANH QUÂN	DH13OT	<i>Quân</i>		2,2	0,5	2,9	5,6	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13154048	PHẠM HỮU QUÍ	DH13OT							4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12153130	ĐỖ VĂN SANG	DH12CD	<i>Sang</i>		1	0,6	3,6	5,2	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13154049	NGUYỄN VĂN SANG	DH13OT	<i>Sang</i>		2	1,3	4,0	7,3	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13154050	NGÔ VĂN SỰ	DH13OT	<i>Su</i>		2,4	0,5	3,4	6,3	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13154052	LÊ TRUNG TÁ	DH13OT	<i>Ta</i>		2,4	1,7	4,1	8,2	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 2

Hiện diện : 26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Lê Bá Xích

TS. Lê Bá Xích

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hì nh họ c họ a hĩ nh- vẽ kỹ thuậ t-207108

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phút Phò ng thi PV315 Nhóm : 12 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (30%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tổ trờ n điể m phầ n nguyên n	Tổ trờ n điể m phầ n lẻ
1	13154051	NGÔ TÂN TÀI	DH13OT	Tài		2,3	0,8	2,5	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	13154053	HÀ CHÍ THANH	DH13OT	Thanh		2,1	0,4	1,9	4,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	13154054	LÊ MINH THIÊN	DH13OT	Th		2,0	0,6	1,9	4,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	13154055	TRƯƠNG NGỌC THIÊN	DH13OT	Th		2,4	0,9	2,6	5,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	13154056	VÕ HOÀN THIÊN	DH13OT	Th		1,9	1,1	2,2	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	13154058	TRẦN NGUYỄN TRỌNG	THOẠI	DH13OT						(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	13154059	NGUYỄN MINH THÔNG	DH13OT	Th		1,0	1,1	3,0	5,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	13154060	NGUYỄN LÂM THUẬN	DH13OT	Th		0,9	1,3	1,5	3,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	13154061	ĐÀO ĐÌNH DUY THƯƠNG	DH13OT	Th		2,3	0,6	2,6	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12154198	NGUYỄN VĂN TOÀN	DH12OT	Th		0,9	0,9	2,9	4,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	13154062	HUỶNH QUANG TRẠNG	DH13OT	Trang		1,5	0,3	1,7	3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	13115127	NGUYỄN VĂN TRÍ	DH13GN	Th		0,9	0,4	2,7	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	13154063	TRẦN MINH TRÍ	DH13OT	Th		0,9	0,7	2,9	4,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	13154064	ĐẶNG DUY TRUNG	DH13OT	Th		1,4	0,3	1	2,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	13154065	NGUYỄN VĂN TRUNG	DH13OT	Th		2,1	0,5	1	3,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	12153192	NGÔ QUANG TUẤN	DH12CD	Th		0,6	0	2,5	3,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	13154066	NGUYỄN TÙNG	DH13OT	Th		1	0,5	2,5	4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Hì nh họ c họ a Hì nh- vẽ kỹ thuậ t-207108

Ngày y Thi : 26/06/14 Giờ thi: 12g15 - phú t Phò ng thi PV315 Nhóm : 12 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tê n	Số tờ	Đ 1 (30%)	Đ 2 (20%)	Điể m thi	Điể m T. kế t	Tô trò n điể m phẫ n nguyê n	Tô trò n điể m phẫ n lẻ
18	13115456	VÕ MINH PHƯƠNG	TUYỀN	DH13GN	<i>hùng</i>	2,3	0,5	3,0	5,8	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	13154067	PHẠM TRÌNH HOÀNG	VÂN	DH13OT	<i>hùng</i>	2,3	1	4,0	7,3	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12115134	NGUYỄN QUANG	VINH	DH12CB						(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	13154068	PHẠM HIẾN	VINH	DH13OT	<i>hùng</i>	1,6	0,1	2,0	3,7	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	13154069	NGUYỄN TUẤN	VŨ	DH13OT	<i>hùng</i>	2,4	0,4	3,1	5,9	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	13154070	NGUYỄN VŨ HOÀNG	VŨ	DH13OT	<i>hùng</i>	1,7	0,3	0,8	2,8	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượ ng vẫ ng:

Hiệ n điể n: :

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xá c nhậ n củ a khoa/bộ mô n

Cá n bộ chấ m thi 1

Cá n bộ chấ m thi 2

Phùng Quang Tường

Lê Quang Trí

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học và giải tích - kỹ thuật 207108

Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD200 Nhóm : 13 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
1	13154072	LÊ ĐÌNH AN	DH130T	An		0,0	1,3	1,5	2,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13154073	ĐẶNG TUẤN ANH	DH130T	Đặng Tuấn Anh		1,0	2,5	2,5	6,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154075	NGUYỄN HỒNG BẢO	DH130T	Hồng Bảo		1,0	2,5	3,0	6,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154076	HUỶNH ĐỨC BÌNH	DH130T	Bình		1,0	2,4	4,0	7,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154077	LÊ TRỌNG BÌNH	DH130T							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13154078	NGUYỄN THÁI BÌNH	DH130T	Bình		0,5	1,0	1,5	3,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13154081	LÊ NGỌC CHÂU	DH130T	Châu		1,0	1,0	1,5	3,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154083	PHAN VĂN CHÂU	DH130T	Châu		1,0	3,0	3,0	7,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13154084	TRẦN XUÂN CHÂU	DH130T	Châu		1,0	2,5	3,5	7,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13154085	PHẠM NGUYỄN CHÍNH	DH130T							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154088	ĐÀO THẾ CƯỜNG	DH130T	Cường		1,0	2,0	3,0	6,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154089	PHẠM VIỆT CƯỜNG	DH130T	Cường		1,0	1,0	1,5	3,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13154090	VŨ VĂN CƯỜNG	DH130T	Cường		1,0	2,4	2,0	5,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154091	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	DH130T	Dương		0,5	1,0	4,0	5,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13154092	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	DH130T							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13154095	NGUYỄN HỮU ĐOÀN	DH130T	Đoàn		1,0	3,0	3,5	7,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13154100	DƯƠNG MINH HẢI	DH130T	Hải		0,5	1,0	1,0	2,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học cho sinh viên kỹ thuật - 207108

Ngày thi : 19/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD200 Nhóm : 13 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
18	13154101	HỨA PHÚ	HẢI	DH13OT	<i>Phu</i>	1,0	2,5	3,5	7,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	13154104	LÊ HỮU	HẢI	DH13OT	<i>Huu</i>	1,0	1,0	1,5	3,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	13154106	PHAN VĂN	HẢI	DH13OT	<i>Van</i>	1,0	2,0	3,0	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	13154108	ĐỖ MINH	HIỆU	DH13OT	<i>Minh</i>	1,0	1,0	1,5	3,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	13154111	HOÀNG NGỌC	HOÀI	DH13OT	<i>Hoc</i>	1,0	1,0	1,5	3,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	13154115	NGUYỄN VĂN	HỘI	DH13OT						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	13154122	ĐỖ THANH	HÙNG	DH13OT	<i>Hung</i>	1,0	3,0	3,0	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	13154123	PHẠM	HÙNG	DH13OT						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	13154125	TRẦN KHÁI	HÙNG	DH13OT	<i>Khai</i>	0,5	2,4	2,5	5,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	13154127	VÕ QUỐC	KHAI	DH13OT	<i>Quoc</i>	0,0	1,5	2,0	3,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	13154126	NGUYỄN VŨ	KHANG	DH13OT	<i>Khang</i>	1,0	1,3	1,4	3,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	13154130	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	DH13OT						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	13154131	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	DH13OT	<i>Den</i>	1,0	1,5	1,0	3,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	13154135	NGUYỄN TẤN	LÂM	DH13OT	<i>Tan</i>	1,0	2,5	3,5	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	13154139	NGUYỄN ĐỨC	LINH	DH13OT	<i>Linh</i>	1,0	3,5	4,5	9,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	13154140	HOÀNG ĐỨC	LONG	DH13OT						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	13154141	NGUYỄN THÀNH	LONG	DH13OT	<i>Long</i>	1,0	1,0	1,5	3,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hì nh họ c họ a hì nh- vẽ kỹ thuậ t-207108

Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi RD200 Nhóm : 13 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô trỏ n điể m phầ n nguyê n	Tô trỏ n điể m phầ n lẻ
35	13154142	CA THANH	LỘC	DH13OT		1,0	4,0	3,0	8,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13154143	ĐÌNH TỬ	LỘC	DH13OT		0,0	1,7	2,0	3,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	13154144	ĐOÀN	LỢI	DH13OT		0,5	2,5	3,0	6,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13154145	HIỂN NGỌC	LỢI	DH13OT		1,0	0,5	2,0	3,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13154147	NGUYỄN VĂN	MINH	DH13OT		1,0	3,5	4,0	7,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13154148	NGUYỄN TỔNG	NAM	DH13OT						(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13154149	VÔ TẤN	NGA	DH13OT						(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13154158	NGUYỄN HOÀI	PHƯƠNG	DH13OT		1,0	1,5	1,0	3,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13154161	THƯỢNG MINH	QUANG	DH13OT		1,0	1,5	1,0	3,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13154163	ĐÀO TRẦN PHÚ	QUỐC	DH13OT		0,0	1,0	1,5	2,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13154164	K' LÊ ANH	QUỐC	DH13OT						(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13154165	NGUYỄN DUY	QUYÊN	DH13OT		0,0	0,0	1,5	1,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13154166	TRẦN VĂN	SÁU	DH13OT		1,0	2,0	3,5	6,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13154167	NGUYỄN TRẦN ANH	SƠN	DH13OT		1,0	1,0	1,5	3,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13154168	NGUYỄN TRẦN XUÂN	SƠN	DH13OT						(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13154169	NGUYỄN VĂN THÁI	SƠN	DH13OT						(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13154171	THÁI KHẮC	SƠN	DH13OT						(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học cho sinh viên kỹ thuật t-207108

Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi RD200 Nhóm : 13 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng tròn điểm phần nguyên	Tổng tròn điểm phần lẻ
52	13115370	NGUYỄN HOÀNG TÂM	DH13GN	<i>Zan</i>		1,0	1,0	2,0	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13154177	ĐÌNH MAI BẮC	DH13OT	<i>Thư</i>		0,5	3,5	4,0	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13154174	TRẦN DUY	DH13OT	<i>Ok</i>		1,0	3,0	3,0	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	13154175	TRẦN DUY	DH13OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	13154178	NGUYỄN CAO THẮNG	DH13OT	<i>Thư</i>		1,0	2,0	2,5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	13154181	TRẦN VĂN THIỆU	DH13OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	13154182	TRƯƠNG CÔNG THỊNH	DH13OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	13154183	NGUYỄN VĂN THƠM	DH13OT	<i>Thư</i>		1,0	3,0	2,5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	13115398	ĐÌNH THỊ	DH13GB	<i>Ngân</i>		1,0	1,0	2,0	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	13154184	TRƯƠNG CHỈ	DH13OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	13154185	ĐÌNH NGỌC THỨC	DH13OT	<i>Thư</i>		1,0	2,0	3,0	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	13154186	LỮ MINH TIẾN	DH13OT	<i>Thư</i>		0,5	2,5	2,5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	13154187	PHẠM TRUNG TÍN	DH13OT	<i>Thư</i>		1,0	3,5	3,0	7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	13154188	NGUYỄN DUY TRẦN	DH13OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	13154194	NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG	DH13OT	<i>Thư</i>		1,0	1,3	1,5	3,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	13154196	TRẦN QUỐC TRƯỜNG	DH13OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	13154197	ĐOÀN ANH TUẤN	DH13OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học phẳng và kỹ thuật vẽ kỹ thuật t-207108

Ngày thi : 19/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi RD200 Nhóm : 13 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
69	13154198	LÊ ANH TUẤN	DH130T			10	2,4	2,0	5,4	10 9 8 7 6 5 4 3 2 1 0	9 8 7 6 5 4 3 2 1 0
70	13154199	NGUYỄN MẠNH TUẤN	DH130T							10 9 8 7 6 5 4 3 2 1 0	9 8 7 6 5 4 3 2 1 0
71	13154201	TRẦN ANH TUẤN	DH130T			10	1,5	2,5	4,5	10 9 8 7 6 5 4 3 2 1 0	9 8 7 6 5 4 3 2 1 0
72	13154204	TRẦN PHƯỚC TƯỜNG	DH130T			10	1,0	1,5	3,5	10 9 8 7 6 5 4 3 2 1 0	9 8 7 6 5 4 3 2 1 0
73	13154205	NGUYỄN VĂN ÚT	DH130T			10	2,5	2,5	6,0	10 9 8 7 6 5 4 3 2 1 0	9 8 7 6 5 4 3 2 1 0
74	13154207	VÕ THANH VÂN	DH130T			10	2,5	3,0	6,5	10 9 8 7 6 5 4 3 2 1 0	9 8 7 6 5 4 3 2 1 0
75	13154208	NGUYỄN THẾ VIÊN	DH130T			10	1,0	1,5	3,5	10 9 8 7 6 5 4 3 2 1 0	9 8 7 6 5 4 3 2 1 0
76	13154211	LÊ HOÀNG VINH	DH130T							10 9 8 7 6 5 4 3 2 1 0	9 8 7 6 5 4 3 2 1 0

Số lượng vắng : 22 Hiện diện : 54

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2

N.V. Kiệp

Lê Quang Tiến

Nguyễn Kim Dung

Nguyễn Thanh Phú

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học và Kỹ thuật 207108

Ngày Thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV201 Nhóm : 14 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kể t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11344002	NGUYỄN THANH AN	CD11CI	<i>An</i>		1,5	1	3,6	6,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	13138027	BÙI MINH BẢO	DH13TD	<i>Bui Bao</i>		1,8	1,6	4,4	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
3	13138029	NGÔ THẾ CHUNG	DH13TD	<i>Chung</i>		1,7	1,8	4,2	7,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	13138030	TRẦN HUY CHUÔNG	DH13TD	<i>Chu</i>		1,5	0,9	3	5,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	13138031	LÊ BÁ CÔNG	DH13TD	<i>Le Ba</i>		1,5	1,4	4,5	7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	13138033	DƯƠNG MINH CƯƠNG	DH13TD	<i>Duong Minh</i>		1,6	1,2	4,8	7,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	13138040	ĐỖ TRÍ ĐÔNG	DH13TD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	13138001	HOÀNG VÂN DŨNG	DH13TD	<i>Hoang Van</i>		1,7	1	3,9	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	13138042	QUÁCH ĐÌNH DŨNG	DH13TD	<i>Quach Dinh</i>		0,9	0	1,8	2,7	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	13138002	TRƯƠNG QUANG ĐẠI	DH13TD	<i>Truong Quang</i>		1,5	0,4	2,1	4,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	13138046	PHAN THÀNH ĐẠT	DH13TD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	13138047	NGÔ VIỆT ĐÌNH	DH13TD	<i>Ngô Viet</i>		1,5	0,2	4,3	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	13138003	LƯƠNG ĐÌNH ĐỒNG	DH13TD	<i>Luong Dinh</i>		1,5	1,3	4,2	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	13138050	HỒ ANH ĐỨC	DH13TD	<i>Ho Anh</i>		1,7	1,4	5,4	8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	13138051	NGÔ LỘC TRƯỜNG ĐỨC	DH13TD	<i>Ngô Loc</i>		1,5	0,1	3,9	5,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	13138052	TÔ MINH ĐỨC	DH13TD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	13138054	TỔNG THỊ THU HÀ	DH13TD	<i>Tong Thi</i>		1,7	1,8	3,3	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9

8,5 điểm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Hì nh họ c họ a hì nh vẽ kỹ thuậ t-207108

Ngày Thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi TV201 Nhóm : 14 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô trờ n điể m phầ n nguyê n	Tô trờ n điể m phầ n lẻ
18	13138056	BÙI ĐÌNH HẢI	DH13TD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	13138060	PHAN HỒNG HẢI	DH13TD	<i>Phan</i>		1,4	0,7	4,2	6,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	13138061	TRẦN MINH HẢI	DH13TD	<i>Trần</i>		1,7	1,1	5,8	8,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	13138064	TRẦN VĂN HẠNH	DH13TD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	13138062	NGUYỄN THÁI HẢO	DH13TD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	13138065	LƯƠNG TRUNG HẬU	DH13TD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	13138066	LƯƠNG TRUNG HẬU	DH13TD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	13138067	NGUYỄN TRUNG HẬU	DH13TD	<i>Nguyễn</i>		1,7	1,8	4,5	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	13138074	KIỀU VIỆT HIỆP	DH13TD	<i>Kiều</i>		1,3	1,8	1,8	4,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
27	13138068	HOÀNG MINH HIẾU	DH13TD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	13138070	LÊ QUANG HIẾU	DH13TD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	13138072	NGUYỄN TỰ HIẾU	DH13TD	<i>Nguyễn</i>		1,3	0,6	4,2	6,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	13138073	PHẠM TRUNG HIẾU	DH13TD	<i>Phạm</i>		1,6	1,4	4,0	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	13138080	HUYỀN LÊ PHÚC HÒA	DH13TD	<i>Huyền</i>		1	0,3	3,9	5,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	13115223	PHẠM LÊ THÁI HÒA	DH13CB							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	13138076	VÕ MINH HÒA	DH13TD	<i>Võ</i>		1,6	1,6	4,5	7,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	13138079	NGUYỄN TRẦN MINH HOÀNG	DH13TD	<i>Nguyễn</i>		0,8	0,3	1,5	2,6	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Hình học phẳng và hình vẽ kỹ thuật t-207108

Ngày Thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201

Nhóm : 14

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (30%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
35	12153079	VÕ VĂN HUY	HOÀNG	DH12CD	<i>Huy</i>	1,2	0,5	0,6	2,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13138005	ĐÀU VIỆT	HÙNG	DH13TD	<i>Hung</i>	1,5	0,2	3,6	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	13138085	HOÀNG THANH	HÙNG	DH13TD	<i>Ho</i>	1,7	1,7	3,9	7,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13138086	PHẠM PHÚ	HÙNG	DH13TD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13138081	ĐÀO QUỐC	HUY	DH13TD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13138004	LÊ QUỐC	HUY	DH13TD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13138083	NGUYỄN ĐỨC	HUY	DH13TD	<i>m</i>	1,6	0,6	3,9	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13138089	TÔ VĂN	HÙNG	DH13TD	<i>Hung</i>	1,6	0,7	4,2	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13138090	HÀ VĂN	HƯƠNG	DH13TD	<i>Hu</i>	1,7	0,2	4,5	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13138091	LÂM TẤN	KHA	DH13TD	<i>Kha</i>	1,5	0,6	3,3	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13138093	BÙI ĐỨC	KHÁ	DH13TD	<i>Kha</i>	1,7	0,8	4,1	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13138007	TRẦN NGỌC	KHÁI	DH13TD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12154117	NGUYỄN DUY	KHANH	DH12OT						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13138094	PHẠM DUY	KHÁNH	DH13TD	<i>Khanh</i>	0,6	0,6	0,6	1,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13138095	TRIỆU ĐĂNG	KHOA	DH13TD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13138096	VÕ ANH	KHOA	DH13TD	<i>Anh</i>	1,5	1,8	4,2	7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13138097	TRẦN TIẾN	KHÔI	DH13TD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Hình học phẳng và hình vẽ kỹ thuật - 207108

Ngày thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV201

Nhóm : 14

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
52	13138098	VŨ VĂN KHƯƠNG	DH13TD			1,4	0,4	3,9	5,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13138099	CAO HOÀNG LÂM	DH13TD			1,5	0,3	4,2	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13138103	NGUYỄN ĐÌNH LÂN	DH13TD			1,5	0,4	3,9	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	13138008	PHAN XUÂN LIÊM	DH13TD			1,3	0,2	1,8	3,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	13138009	NGUYỄN KIM HẢI LONG	DH13TD			1,6	0,1	1,8	3,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12137005	NGÔ VĂN MINH	DH12NL			1,3	0,3	3,9	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	13138010	NGUYỄN NGỌC NAM	DH13TD			0,7	0,4	3,0	4,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	13115291	TRƯƠNG THÀNH NGHỊ	DH13CB			0,9	0,4	3,5	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	13138011	TRẦN NHẬT NGHĨA	DH13TD			1,6	0,6	4,2	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12118064	NGUYỄN THÁI NGỌC	DH12CK			1,4	0,8	2,4	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	13138012	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	DH13TD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12115012	NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG	DH12GB			1,5	1,4	4,5	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	13138014	THẠCH MINH QUÂN	DH13TD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	13138015	VŨ BẢO QUỐC	DH13TD			1,8	0,8	3,8	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	11154014	UNG NGỌC QUÝ	DH11OT			1,6	1,0	4,5	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	13138016	NGÔ TẤT SANG	DH13TD			1,7	0,7	4,5	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	12118022	ĐINH CÔNG SƠN	DH12CK			1,7	0,7	2,5	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Hình học công nghệ kỹ thuật - 207108

Ngày thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV201 Nhóm : 14 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (30%)	Điểm thi 60%	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
69	13138017	ĐOÀN LÊ PHI SƠN	DH13TD							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	13138018	NGUYỄN THANH	DH13TD	Trung		1,1	0,6	3,6	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	12344152	VƯƠNG NHƯ	CD12CI	Như		0,8	0,4	4,5	5,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	13138019	BÙI VĂN	DH13TD	Như		1,5	1,8	5,2	8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	12138132	LÊ ĐẮC	DH12TD	Đắc		0,8	0,2	3,0	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	12137051	PHẠM ANH	DH12NL	Tuân		1,4	0,2	2,4	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	12118099	TẠ QUANG	DH12CC	Quang		1,3	0,4	3,6	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	13138020	TRẦN THANH	DH13TD	Thanh		1,6	0,4	4,1	5,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	12153160	PHẠM VĂN	DH12CD	Viên		1,6	0,1	2,3	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	13138021	TRẦN THANH	DH13TD	Thanh		1,6	0,1	4,2	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	13138022	NGÔ QUỐC	DH13TD	Quốc		1,6	0,2	2,2	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	12153166	VŨ MINH	DH12CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 22

Hiệu điểm : 58

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phan Minh Hiền

Trần Thị Thanh

TS. Nguyễn Thị Thanh

Phs. TS. Trần Thị Thanh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Hình học công nghệ kỹ thuật - 207108

Ngày Thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV202 Nhóm : 15 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
						20	20	60			
1	13138262	VÕ THÀNH CÔNG	CHÁNH	DH13TD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13138058	CAO XUÂN	HÀI	DH13TD	<i>Haing</i>	1,6	0,8	1,6	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13138261	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	DH13TD	<i>Trung</i>	1,7	1	3,8	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138263	HẠP TIẾN	HOÀNG	DH13TD	<i>Haing</i>	1,9	1,7	4,9	8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13138108	LÊ QUANG	LINH	DH13TD	<i>Haing</i>	1,6	1	4,8	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13138109	TRẦN HOÀI	LINH	DH13TD	<i>Haing</i>	1,6	0,7	4,2	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13138112	ĐẶNG THÀNH	LỢI	DH13TD	<i>Haing</i>	1,8	0,4	4,5	6,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13138113	PHẠM HỮU	LUÂN	DH13TD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13138260	HOÀNG ĐỨC	LƯƠNG	DH13TD	<i>Haing</i>	1	1,2	1,2	3,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13138116	VÕ TẤN	LÝ	DH13TD	<i>Ly</i>	0,6	0,1	3,6	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13138117	NGUYỄN QUỐC	MANH	DH13TD	<i>Quoc</i>	1,3	0,3	4,2	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138118	NGUYỄN VĂN	MÊN	DH13TD	<i>Haing</i>	1,7	0,5	3,9	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13138119	NGUYỄN VĂN	MINH	DH13TD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13138123	PHẠM HOÀNG	NAM	DH13TD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13138128	NGUYỄN TIẾN	NGỌC	DH13TD	<i>Haing</i>	0,8	0	4,5	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13138129	TRƯƠNG VĂN	NGỌC	DH13TD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13138130	NGUYỄN THỨC LÂM	NGUYỄN	DH13TD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Hình học công nghệ kỹ thuật - 207108

Ngày thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 Nhóm : 15 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						20	20	60			
18	13138131	LƯƠNG TRỌNG NHÃ	DH13TD	<i>Truong</i>		1,6	0,2	4,5	6,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	13138136	NINH QUANG NHẬT	DH13TD	<i>Nhat</i>		1,4	0,5	2,1	4,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	13138140	LÊ THỊ HUỲNH	DH13TD	<i>Thi</i>		1,8	0,3	4,2	6,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	13138141	NGUYỄN HUỲNH NHƯÔNG	DH13TD	<i>Nhuong</i>		1,6	0,3	4,2	6,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	13138145	NGUYỄN TẤN PHÁT	DH13TD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	13138148	PHẠM KHÁNH PHI	DH13TD	<i>Phi</i>		1,6	0,2	4,2	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	13138150	NGUYỄN THANH PHONG	DH13TD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	13138152	HOÀNG XUÂN PHÚ	DH13TD	<i>Phu</i>		1	0,4	2,6	4,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	13138153	HUỲNH HOÀNG PHÚ	DH13TD	<i>Phu</i>		1,2	0	2,8	4,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	13138154	HUỲNH VĂN PHÚC	DH13TD	<i>Phu</i>		1,5	0,6	1,9	4,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	13138156	NGUYỄN HỒNG PHÚC	DH13TD	<i>Phu</i>		1,7	0,1	1,2	3,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	13138157	NGUYỄN HỒNG PHÚC	DH13TD	<i>Phu</i>		1,4	1,4	3	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
30	13138163	PHẠM LƯU PHƯỚC	DH13TD	<i>Phu</i>		0,8	0,1	4	4,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
31	13138164	NGUYỄN DẮNG QUANG	DH13TD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	13138165	MAN HỒNG QUÂN	DH13TD	<i>Man</i>		1,2	0,2	3,5	4,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
33	13138166	NGÔ NGUYỄN MINH QUÂN	DH13TD	<i>Minh</i>		0,9	0,2	4,2	5,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	13138168	BÙI CÔNG QUYẾN	DH13TD	<i>Quyên</i>		1,6	1,8	5,1	8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Hình học công nghệ kỹ thuật - 207108

Ngày thi : 28/06/14 Giờ thi : 07g00 - phút

Phòng thi TV202

Nhóm : 15

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%) 20	Đ 2 (%) 20	Điểm thi 50	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	13138171	LÊ TUẤN	SANG	DH13TD	<i>Lê Tuấn</i>	1,6	1,8	5,1	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13138173	TRẦN VŨ	SANG	DH13TD	<i>Trần Vũ</i>	1,4	0,3	3,5	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	13138174	TRẦN THỊ	SANG	DH13TD	<i>Trần Thị</i>	1,2	1,4	1,8	4,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13138175	BÙI THÁI	SON	DH13TD	<i>Bùi Thái</i>	1,7	0,2	4,2	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13138178	NGÔ QUỐC	SỬ	DH13TD	<i>Ngô Quốc</i>	1,7	1,8	4,2	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13138181	PHẠM VĂN	TÂM	DH13TD	<i>Phạm Văn</i>	1,7	0,3	4,2	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13138183	VŨ MINH	TÂM	DH13TD	<i>Vũ Minh</i>	1,0	0,2	3	4,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13138184	CHU MINH	TÂN	DH13TD	<i>Chu Minh</i>					(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13138185	LÊ DUY	TÂN	DH13TD	<i>Lê Duy</i>	1,6	0,5	3,9	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13138189	VĂN THÀNH	TÂN	DH13TD	<i>Văn Thành</i>	1,7	0,8	4,2	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13138190	TRẦN VĂN	TÂN	DH13TD	<i>Trần Văn</i>	1,2	1,3	4	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13138200	LÊ NGỌC	THẠCH	DH13TD	<i>Lê Ngọc</i>	1,6	1,4	4,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13138192	PHẠM VĂN	THÀNH	DH13TD	<i>Phạm Văn</i>	1,5	1,7	3,9	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13138195	HÀ ĐÌNH	THÀNH	DH13TD	<i>Hà Đình</i>	1,5	1,4	3,1	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13138196	PHAN TIẾN	THÀNH	DH13TD	<i>Phan Tiến</i>	1,5	1,5	3,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13138199	TRỊNH VIỆT	THÀNH	DH13TD	<i>Trịnh Việt</i>	1,5	1,5	3	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13138201	VĂN THIÊN	THẮNG	DH13TD	<i>Văn Thiên</i>	1,7	1,4	3	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Hình học phẳng và hình học giải tích - 207108

Ngày thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi TV202

Nhóm : 15

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
52	13138205	VƯƠNG BẢO THẾ	DH13TD	<i>The</i>		1,5	1,6	4	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13138206	NGUYỄN HOÀNG THI	DH13TD	<i>Thi</i>		1,8	1,6	4,6	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13138207	HUYỀNH NGỌC THIÊN	DH13TD	<i>Thi</i>		1,5	1,6	3,0	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	13138208	NGUYỄN VĂN THIÊN	DH13TD	<i>Thi</i>		1,3	1,6	4,2	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	13138210	TRƯƠNG VĂN THOẠI	DH13TD	<i>Thi</i>		1,6	1,9	4,2	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	13138211	TỔNG TRẦN THÔNG	DH13TD	<i>Thi</i>		1,5	1,9	4,2	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	13138217	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	DH13TD	<i>Thi</i>		1,4	0,5	2,5	4,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	13138219	HỒ TIẾP	DH13TD	<i>Thi</i>		1,5	0,4	3,3	5,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	13138220	TRƯƠNG TẤN TÍNH	DH13TD	<i>Thi</i>		1,5	0,5	2,7	4,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	13138223	ĐINH QUỐC TOÀN	DH13TD	<i>Thi</i>		1,6	0,3	4,2	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	13138227	PHẠM ĐÌNH TRANG	DH13TD	<i>Thi</i>		1,5	0,2	4,5	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	13138229	MAI MINH TRÍ	DH13TD	<i>Thi</i>		0,9	0	3,6	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	13138228	LÊ VĂN TRIỀU	DH13TD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	13138230	HỒ QUANG TRỌNG	DH13TD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	13138231	LÊ MINH TRỌNG	DH13TD	<i>Thi</i>		1,5	0,3	2,4	4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	13138232	TRẦN HỮU TRỌNG	DH13TD	<i>Thi</i>		1,2	1,4	1	3,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	13138233	TRƯƠNG MINH TRUNG	DH13TD	<i>Thi</i>		0,6	0	2,4	3,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Hình học phẳng và hình vẽ kỹ thuật t-207108

Ngày Thi : 28/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 Nhóm : 15 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi 60	Điểm T. kế t	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
69	13138234	NGUYỄN PHAN HẢI	TRƯỜNG	Trương		1,6	0,4	3,6	5,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	13138248	NGUYỄN THANH	TÚ	Thư		1,5	0,6	3,6	5,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	13138238	NGÔ VŨ MINH	TUẤN	Tuấn		1,4	0,5	3,6	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	13138240	PHẠM ANH	TUẤN	Phạm		1,4	0,5	4,2	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	13138244	ĐINH THANH	TÙNG							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	13138249	NGUYỄN KHÁNH	TUÔNG	Trương		1,3	0,4	2,5	4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	13138255	PHÙNG ANH	VĨ	Vũ		1,4	0,2	2,4	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	13138253	PHẠM TIẾN	VIỆT	Phạm		1,3	0,2	3,9	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	13138254	PHẠM VĂN	VIỆT	Việt		1,6	0,3	3	4,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	13138256	NGUYỄN LÊ NHẬT	VŨ	Vũ		0,8	0,1	2	2,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	13115143	NGUYỄN THẾ	VỸ	Vũ		1,7	0,2	4,8	6,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	13138259	TRƯƠNG BÌNH	YẾN	Trương		1,5	0,4	3,9	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

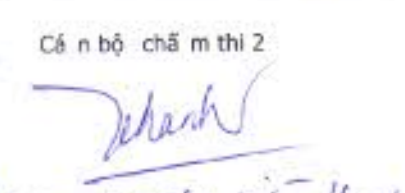
Cá nhân chấm thi 2


Lê Quang Trí


Đặng Trung Nam


TS. Kiều Thanh Tiên


P. TS. Trần Thị Thanh


Nguyễn Thị Kiều Hạnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Hình học phẳng và hình vẽ kỹ thuật-207108

Ngày thi : 16/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút

Phòng thi PV219

Nhóm : 16

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
1	12154069	BÙI THÀNH ĐẢO	DH120T	<i>Bùi</i>		1	2,5	5,3	8,8	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13137062	HỒ THANH HOÀNG	DH13NL	<i>Hồ</i>		0,6	1,1	3,3	5	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10154015	HỒ XUÂN HÙNG	DH100T	<i>Hồ</i>		0,7	1,5	3,8	6	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13137167	NGUYỄN THÀNH HƯNG	DH13NL	<i>Nguyễn</i>		0,3	0,5	1,2	2	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11344027	NGUYỄN HOÀNG XUÂN	CD11CI	<i>Nguyễn</i>		1	2,7	4,2	7,9	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10344026	TRẦN GIANG LINH	CD10CI	<i>Trần</i>		1	2,4	3,6	7	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13137085	NGUYỄN THANH LONG	DH13NL	<i>Nguyễn</i>		1	2	3,3	6,3	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12344047	TRƯƠNG HOÀI LONG	CD12CI	<i>Trương</i>		0,8	1,2	3,8	5,8	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13137086	NGUYỄN NHẬT MINH	DH13NL							4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13137087	BÙI PHÚ HOÀNG	DH13NL	<i>Bùi</i>		0,9	1,7	2,9	5,5	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11127141	TRẦN VŨ	DH11MT	<i>Trần</i>		0,1	0,1	1,3	1,5	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13137090	CHAU VĂN NẾK	DH13NL	<i>Châu</i>		1	2,3	2,7	6	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13137096	LƯU THIÊN NGÔN	DH13NL	<i>Lưu</i>		1	2,5	3	6,5	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13137097	ĐẶNG NGUYỄN	DH13NL	<i>Đặng</i>		0,7	1,1	3,8	5,6	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13137098	LÊ VĂN NGUYỄN	DH13NL							4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13137099	TRẦN NGỌC NHÂN	DH13NL							4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13137100	ĐINH MẠI NHẬT	DH13NL							4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Hình học phẳng và hình vẽ kỹ thuật-207108

Ngày thi : 16/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phỏng thi PV219

Nhóm : 16

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
18	13137101	NGUYỄN ĐÌNH NHU	DH13NL		1	2,2	4,2	7,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13137102	TRẦN MINH NHƯT	DH13NL		1	2,3	3,4	6,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13137103	NGUYỄN TẮNG PHÁT	DH13NL		0,9	2	5,4	8,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13137104	NGUYỄN TÂN PHONG	DH13NL		1	1,8	4,2	7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13137105	NGUYỄN THANH PHONG	DH13NL		0,8	1,5	2,8	5,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13137106	NGUYỄN THANH PHONG	DH13NL		0,9	1,9	4	6,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13137109	BÙI VĂN PHÚC	DH13NL		0,8	1,7	3,3	5,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13137110	NGUYỄN MINH PHÚC	DH13NL		1	2,8	5,6	9,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13137111	NGUYỄN QUỐC PHÚC	DH13NL		0,7	1,4	3,5	5,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13137112	NGUYỄN MINH QUAN	DH13NL		1	2,2	3,9	7,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 2
Cán bộ coi thi 1

Hiệu điểm : 254
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đặng Trung Năm

Kiên V. Diên

Vương Thị Bình

Ngô Mỹ Duyên

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Hình học và đại số - kỹ thuật - 207108

Ngày Thi : 16/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phỏng thi PV223 Nhóm : 16 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
1	12153011	NGUYỄN VĂN QUANG	DH12CD	<i>Zu</i>		0,9	1,6	1,8	4,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13137113	NGUYỄN KHẮC QUÍ	DH13NL	<i>Quy</i>		1	2,4	4,7	8,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13137115	PHẠM MAI QUỲNH	DH13NL	<i>Pham</i>		1	2	2,6	5,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13137116	NGUYỄN ĐỨC REO	DH13NL	<i>Reo</i>		0,6	1,2	2,2	4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12115133	LÊ HOÀNG SƠN	DH12GB	<i>Son</i>		0,7	1,2	2,9	4,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13137119	NGUYỄN HẢI SƠN	DH13NL	<i>Nghien</i>		1	2,1	4,1	7,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13137121	VI VĂN TÀU	DH13NL	<i>Tau</i>		1	2	3,6	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13137122	ĐỖ KHÁNH TÂM	DH13NL	<i>Ha</i>		1	2,5	4,2	7,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13137123	NGUYỄN ĐỨC TÂM	DH13NL	<i>Tam</i>		1	2,8	4,2	8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13137124	VŨ ĐỨC TÂN	DH13NL	<i>Tan</i>		1	2,7	4,2	7,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13137126	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	DH13NL							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13137130	LƯƠNG TÂN THANH	DH13NL	<i>Tan</i>		1	2,2	3,2	6,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13137128	PHAN LÊ NGỌC THẢO	DH13NL	<i>Thao</i>		1	2,2	3,8	7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13137131	LÊ HOÀNG THẮNG	DH13NL	<i>Thao</i>		0,5	1,3	5,1	6,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13137133	NGUYỄN ĐẠI THIÊN	DH13NL	<i>Thien</i>		0,4	0,9	3,6	4,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13137135	TRẦN HOÀNG THIÊN	DH13NL	<i>Thien</i>		0,4	0,8	2	3,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13137136	TRẦN LONG THIÊN	DH13NL	<i>Thien</i>		0	0	1,7	1,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Hình học phẳng và hình vẽ kỹ thuật - 207108

Ngày Thi : 16/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phỏng thi PV223 Nhóm : 16 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13137138	PHẠM NGỌC THIÊN	DH13NL	<i>Thiên</i>		0,9	1,9	2,1	6,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
19	13137141	TRẦN THẮNG	DH13NL	<i>Thắng</i>		0,9	2	4,8	7,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	13137145	VŨ TRỌNG	DH13NL	<i>Quang</i>		0,4	0,7	2,9	4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	13137142	TRẦN PHƯỚC	DH13NL							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	13137146	ĐINH THANH	DH13NL	<i>Đinh Thanh</i>		0,8	1,4	2,8	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	13137147	PHẠM THẾ	DH13NL	<i>Phạm Thế</i>		0,8	1,4	3,3	5,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	13137151	LÊ MINH	DH13NL	<i>Lê Minh</i>		1	2,3	3	6,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	13137152	TRẦN ANH	DH13NL	<i>Trần Anh</i>		0,7	1,6	4,2	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	12137057	NGUYỄN ĐỨC	DH12NL	<i>Nguyễn Đức</i>		1	2,5	4,2	7,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	13137153	TRẦN BÌNH	DH13NL							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	13137154	NGUYỄN VĂN	DH13NL	<i>Nguyễn Văn</i>		0,7	1,4	3,3	5,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	13137156	ĐƯƠNG MINH	DH13NL							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	13137157	ĐOÀN NHẬT	DH13NL	<i>Đoàn Nhật</i>		0,9	1,9	3,1	5,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
31	13137158	NGUYỄN MINH	DH13NL	<i>Nguyễn Minh</i>		0,6	1	3,8	5,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	13137160	PHẠM TUẤN	DH13NL							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	13137155	NGUYỄN THANH	DH13NL	<i>Nguyễn Thanh</i>		0,8	1,6	3,9	6,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	12153122	TRẦN VĂN	DH12CD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Hình học cho sinh viên kỹ thuật - 207108

Ngày thi : 16/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phỏng thi PV223 Nhóm : 16 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	13137160	NGUYỄN QUỐC VIỆT	DH13NL			0,9	2	0,9	3,8		
36	13137162	NGUYỄN THỊ THU	DH13NL			1	2,5	4,2	7,7		
37	13137166	LÝ NGUYỄN VIỆT	DH13NL								

Số lượng vắng: Hiện diện: : 30

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Kỹ thuật di truyền-207109

Ngày thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thí RD102 Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kế t	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
1	12344005	LÊ TRƯỜNG AN	CD12CI	<i>Longat</i>		8	10	4,5	5,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138027	LƯƠNG THẾ ANH	DH12TD	<i>At</i>		7	10	5	5,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154037	TRẦN THIÊN AN	DH12OT	<i>Nu</i>		7	10	6	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13334018	NGUYỄN VĂN CẢNH	CD13CI							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13334023	LÊ TUẤN CHIẾN	CD13CI	<i>chun</i>		0	0	0	0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13334025	VI VĂN CHUÔNG	CD13CI	<i>Chuong</i>		7	8	0,5	2,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13334037	TRẦN THANH DUY	CD13CI							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12115071	LÊ THỊ TRÚC ĐÀO	DH12CB	<i>trich</i>		5,5	10	5,5	5,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154058	PHẠM TRỌNG ĐẠT	DH12OT	<i>Pham</i>		6,5	10	5,5	6,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13115190	TRẦN CÔNG ĐỊNH	DH13CB	<i>Don</i>		6	10	3	4,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13334049	NGUYỄN HUY ĐÔNG	CD13CI	<i>Doang</i>		8	8	0,5	2,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12115159	NGUYỄN THỊ HỒNG HANH	DH12GN	<i>hychanh</i>		8,5	10	5	6,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12115088	LÊ THỊ THÚY HẰNG	DH12CB	<i>Thuy</i>		5	10	5	5,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	09137004	NGUYỄN VŨ HIỆP	DH09NL							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12115244	PHẠM THỊ NGỌC HOA	DH12GB	<i>Hoang</i>		7,5	10	8,5	8,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13334074	LƯƠNG VĂN HOÀNG	CD13CI	<i>Hoang</i>		7	8	1	2,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13115217	NGUYỄN MINH HOÀNG	DH13CB	<i>Minh</i>		9	8	3,5	5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13118166	LÊU CẢ HÙNG	DH13CC			7	10	0,5	2,7		
19	12344200	TRẦN QUỐC HUY	CD12CI								
20	13115046	VŨ VĂN HUY	DH13CB								
21	12115206	TRẦN THỊ KIM HƯƠNG	DH12CB			5,5	10	4,5	5,2		
22	13118189	NGUYỄN HỮU KIẾT	DH13CK			5	10	4	4,8		
23	12115211	ĐỒNG VĂN LÀNH	DH12GB								
24	13334106	NGUYỄN VĂN LÂN	CD13CI			0	0	0	0		
25	12344048	NHỮ VĂN LINH	CD12CI			6,5	8	5	5,6		
26	12115249	PHẠM THỊ KIM LOAN	DH12CB			8,5	10	6	6,9		
27	12154259	TRẦN KIM LỘC	DH12OT			6	10	6	6,4		
28	13118206	NGUYỄN VĂN MẠNH	DH13CK			7	10	2	3,8		

Số lượng vắng : 06

Hiệu điện : 22

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Vương Đình Bằng

Vũ Thanh Phụng

Vương Đình Bằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi RD103 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm m thi (70%)	Điểm m T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12118008	LƯƠNG HỮU	MINH	DH12CC			5	10	8,5	7,9		

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Kỹ thuật thiêu n-207109

Ngày thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thí RD103 Nhóm : 01

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kế t	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
18	12115258	NGÔ KIM THÀNH	DH12CB	<i>Kim</i>		6,5	10	4,5	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12115215	NGUYỄN XUÂN THẾ	DH12GN							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118284	LÂM VĂN THIẾT	DH13CC	<i>Thiet</i>		6	10	0	2,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12344178	HỒ MINH THỊNH	CD12CI	<i>Minh</i>		0	0	0,5	0,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12344192	NGUYỄN VĂN THỜI	CD12CI	<i>Thoi</i>		5	8	4	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12344135	NGUYỄN LỘC THUẬN	CD12CI	<i>Thuan</i>		5	10	4	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12115275	THÁI KIM THỦY	DH12GN	<i>Thuy</i>		7,5	10	8	8,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118292	NGUYỄN MINH TIÊN	DH13CC	<i>Tien</i>		7	8	0,5	2,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12115306	NGUYỄN VĂN TỈNH	DH12CB	<i>Thinh</i>		6,5	10	7,5	7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12115034	TRẦN HỮU TRANG	DH12CB	<i>Trang</i>		6	10	4	5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13118313	ĐẶNG XUÂN TRỌNG	DH13CX	<i>Trang</i>		5,5	8	0	1,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118317	LÊ QUỐC TRUNG	DH13CX	<i>Trang</i>		8	10	8	8,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12115038	LÊ VĂN TRUNG	DH12GB	<i>Trang</i>		9	10	7	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12344139	NGUYỄN BÁ TRUNG	CD12CI	<i>Trang</i>		7	10	4	5,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13118320	NGUYỄN QUỐC TRUNG	DH13CX	<i>Trang</i>		6	10	5	5,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12115058	VÕ HỒNG TRƯƠNG	DH12CB	<i>Trang</i>		8	8	5	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12154043	DƯƠNG NHẬT TRƯỜNG	DH12OT	<i>Trang</i>		6	8	3,5	4,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi RD103 Nhóm : 01

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (20%)	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	12138103	PHẠM VĂN TRƯỜNG	DH12TD			6	8	5,5	5,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12154124	TRƯƠNG THANH TRƯỜNG	DH12OT			5	10	5,5	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	12115218	TRẦN LÊ CẨM TÚ	DH12CB			7	10	6	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13115453	TRẦN ANH TUẤN	DH13CB							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12115248	ĐÌNH QUANG TUYẾN	DH12CB			6	8	7	6,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12138111	NGÔ VĂN VIÊN	DH12TD			6,5	10	6	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12115134	NGUYỄN QUANG VINH	DH12CB							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12115130	NGUYỄN HOÀNG VŨ	DH12CB			5,5	8	5	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12115189	NGUYỄN THỊ VƯƠNG XUÂN	DH12GN			8	8	2,5	4,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng mặt: 03 Hiện diện: 40

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Vũ Bá Xích

Lê Quang Hiền

TS. Vương Thuần

Vương Đình Bình

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD104 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13334004	LÊ QUỐC ANH	CD13CI							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13115162	NGÔ NGỌC BÌNH	DH13GB	Cho	5	8	4,5	4,9		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12115148	VĂN THỊ LỆ	DH12GB	Chr	7,5	10	6	6,7		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154052	NGUYỄN QUỐC CÔNG	DH12OT		8	10	5,5	6,4		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13334033	NGUYỄN VĂN DÂN	CD13CI							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12115236	HUỖNH VĂN ĐẠT	DH12GN		8,5	10	5,5	6,5		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154055	LÂM HỒNG ĐẠT	DH12OT		7,5	10	5	6		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154112	NGUYỄN CÔNG HẬU	DH12OT		6,5	8	6	6,3		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118147	NGUYỄN THÁI HÒA	DH13CK							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13137059	NGUYỄN NGỌC HOÀN	DH13NL		5	8	2	3,2		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154087	MÃ NHẬT HUY	DH12OT		5	10	3,5	4,4		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12137023	LƯU ĐÌNH HƯNG	DH12NL		6,5	10	4	5,1		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13334090	TRẦN DUY HƯNG	CD13CI							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11118010	SENG ALOUN KASEUTH	DH11CC		6	10	2	3,6		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154118	NGUYỄN BÌNH KHÁNH	DH12OT		9	10	6,5	7,3		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13118367	HUỖNH ĐĂNG KHOA	DH13CK		5	10	1,5	3		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154143	LƯU TẤN KIẾT	DH12OT	Kiết	5	10	6	6,2		0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD104 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (10%)	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	12154249	PHAN THÀNH LÂM	DH12OT	Lâm		5	10	6	6,2	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12118058	NGUYỄN TẤN LỘC	DH12CC	Loac		6	10	4	5	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13115270	TRƯƠNG CÔNG LUÂN	DH13CB	Luân		7	10	6,5	6,9	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11134007	ĐÀO MINH MÃN	DH11GB	Ma		7,5	10	2,5	4,2	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13115072	HOÀNG TRIỆU NAM	DH13GN	Nam		8	10	7	7,5	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12115146	VÕ THỊ XUÂN NHÃN	DH12GB	Xuan		5	8	0,5	2,1	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12138004	HUỶNH QUỲNH	DH12TD	Quynh		8,5	10	6,5	7,2	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154089	NGUYỄN VĂN SANG	DH12OT	Sang		5	10	5,5	5,8	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12115133	LÊ HOÀNG SƠN	DH12GB	Son		8	10	3,5	5	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12115027	BÙI VĂN TÂM	DH12CB	Tam		5	10	2	3,4	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13138181	PHẠM VĂN TÂM	DH13TD	Fam		8	10	5,5	6,4	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154246	NGUYỄN THÀNH TẤN	DH12OT	Tan		5	10	6	6,2	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12115028	LÊ NHẬT THANH	DH12GB	Thanh		7	10	6	6,6	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13334179	PHAN VĂN THÀNH	CD13CI	Thi		0	0	4	2,8	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12154185	NGUYỄN VĂN THIÊN	DH12OT	Thien		5	10	6	6,2	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13118053	TRẦN THẾ THIÊN	DH13CC	Thien		5	8	6	6	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11118007	LÊ SỸ THỊNH	DH11CC	Thinh		6,5	10	3,5	4,7	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD104 Nhóm : 02

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	13334209	PHẠM THÀNH TIỀN	CD13CI			5	8	2,5	3,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13118301	LÊ ĐỨC TÍN	DH13CK			5	8	3	3,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	12115307	HUỶNH VĂN TÍNH	DH12GB			5	10	5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13115421	PHAN HỮU TOÀN	DH13GB			6,5	10	9,5	8,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13334219	NGUYỄN VĂN TRIỀU	CD13CI			5	6	1	2,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13115438	DƯƠNG THỊ HỒNG TRINH	DH13GB			5	8	1	2,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11115015	TRẦN QUANG TUẤN	DH11CB			7,5	8	0	2,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12154011	LÊ PHÚ TÙNG	DH12OT			5	10	7	6,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13115479	PHAN QUỐC VŨ	DH13CB			6,5	8	9	8,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 4

Hiệu điện: 39

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đặng Trung Nam

Lê Quang Trí

TS. Vũ Văn Tiến

Vũ Đình Bằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD201 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154223	LÊ CÔNG TUẤN ANH	DH12OT	<i>LC Tuấn</i>	1	6	10	1	2,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	12344193	NGUYỄN HẢI CHÍ	CD12CI	<i>NH Chí</i>	1	6	8	4	4,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	12154051	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC CHÍNH	DH12OT	<i>NĐ Quốc</i>	1	6	10	10	9,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	12344022	NGUYỄN HOÀNG CÔNG	CD12CI	<i>NH Công</i>	1	6	10	1,5	3,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	12154067	NGUYỄN MINH DƯƠNG	DH12OT	<i>NM Dương</i>	1	5	10	7	6,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	13118119	NGÔ HỮU HOÀI ĐO	DH13CK	<i>NH Hoài</i>	✓					☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	12344043	LƯƠNG QUỐC ĐÔNG	CD12CI	<i>LQ Đông</i>	1	6	10	1	2,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	12344040	TRẦN VIỆT ĐỨC	CD12CI	<i>TV Đức</i>	1	6	6	1,5	2,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	13118126	LÊ XUÂN HÀ	DH13CC	<i>LX Hà</i>	1	7,5	8	8,5	8,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	12118002	BÙI VĂN HẢI	DH12CC	<i>BV Hải</i>	1	5	10	5	5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	13118135	TRẦN TUẤN HIẾN	DH13CK	<i>TT Hiến</i>	1	7	8	4	5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	13138072	NGUYỄN TỰ HIẾU	DH13TD	<i>NT Hiếu</i>	1	9	10	3	4,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	13154023	NGUYỄN THANH MINH HOÀNG	DH13OT	<i>NT Minh</i>	1	6	10	7	7,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	13118162	HUỖNH ĐỨC HÙNG	DH13CC	<i>HD Hùng</i>	1	6	10	5	5,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	12154123	VÕ THANH HÙNG	DH12OT	<i>VT Hùng</i>	1	5	10	9	8,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	12118084	TRẦN QUANG HƯNG	DH12CC	<i>TQ Hưng</i>	1	6	8	3	4,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	12154117	NGUYỄN DUY KHANH	DH12OT	<i>ND Khanh</i>	1	6	8	0,5	2,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi RD201 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tử	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (30%)	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	12154120	BÙI NGỌC	KHOA	DH120T	1	8	10	9	8,9	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
19	13138098	VŨ VĂN	KHƯƠNG	DH13TD	1	5	10	2	3,4	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

Số lượng vắng : 1

Hiện diện : 18

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ng Hải Đăng

Lê Văn Tuấn

TS. Vương Đình Tiến

Vương Đình Bằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD202 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	12118046	NGUYỄN LONG	DH12CC							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13137096	LƯU THIÊN	DH13NL	<i>My</i>		5,5	6	3,5	4,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13115300	LÊ TRUNG	DH13GN	<i>nguy</i>		0	0	0	0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118033	PHẠM DINH	DH13CK	<i>Ph</i>		8	9	1,5	3,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118223	NGUYỄN THIÊN	DH13CK							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118225	TRẦN VĂN	DH13CK							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118232	BÙI TẤN	DH13CK	<i>Phong</i>		9	10	6,5	7,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12344105	BÙI VĂN	CD12CI	<i>l</i>		6	8	0	2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13138154	HUỖNH VĂN	DH13TD	<i>Phuc</i>		6	10	5	5,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12344197	NGUYỄN THÀNH	CD12CI	<i>Thuan</i>		6	10	1	2,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13138183	VŨ MINH	DH13TD	<i>Minh</i>		5	10	0,5	2,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	07119023	NGUYỄN CÔNG	DH08CK							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118307	NGUYỄN TRIỆU	DH13CK	<i>Triu</i>		7	7	7	7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12115308	NGUYỄN NỮ THIÊN	DH12CB	<i>Trang</i>		6	10	10	9,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12118096	HỒ TRẦN TRUNG	DH12CC	<i>Trung</i>		6	10	2,5	3,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13115456	VŨ MINH PHƯƠNG	DH13GN	<i>Phuong</i>		7	10	1	3,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344093	CAO TRẦN NHẬT	CD12CI	<i>Nhat</i>		0	0	0,5	0,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Mã nhậ n đạ ng00791

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Kĩ thuậ t điệ n-207109

Ngày thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD202 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. KẾ T	Tổng điểm thi môn phần lý thuyết	Tổng điểm thi môn phần thực hành
18	13115480	TRẦN PHAN THANH VŨ	DH13GN			0	0	2	1,4	4 9 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng và ng:

Hiện diện: 12

Cả n b o c o i t h i 1

Cá n bô coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cã n bộ chấ m thi 1

Cả n bộ chấ m thi 2

Nguyễn Công Khanh

Đào Duy Vinh

VB
TS. Ngô Thị Tiên

Vũ Thị Bình

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi TV303 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12137001	ĐỖ HOÀNG	AI	DH12NL	An	9,5	10	5	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138010	TRẦN ĐỨC	ANH	DH12TD	An	9	10	6	7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154030	LÊ QUỐC	BẢO	DH12OT	Q2	6	8	6	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12118016	LÝ PHAN	BÌNH	DH12CC						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12115075	BÙI THỊ MINH	BÚT	DH12GB	Bu	7,5	10	7	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12344023	HÀ VĂN	CUÔNG	CD12CI						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154225	LÊ MINH	CUÔNG	DH12OT	Le	5	10	6	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12115216	NGUYỄN THỊ	DUNG	DH12GB	Dung	6	10	7	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154039	TRẦN TIẾN	DŨNG	DH12OT	Dun	6	10	6	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154063	BÙI THÀNH	DUY	DH12OT	Ch	6	8	6	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154062	ĐỖ VĂN	DUY	DH12OT	Duy	5,5	10	3	4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154059	NGUYỄN HOÀNG	DUY	DH12OT	Bu	6	10	3	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12115282	NGUYỄN THANH	DUY	DH12GN	Duy	5,5	6	0	1,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12344079	HUỖNH VĂN	ĐIỆP	CD12CI	Hu	7	10	4	5,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154080	NGUYỄN PHƯƠNG	ĐÔNG	DH12OT	Pho	5	6	4	4,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12344039	NGUYỄN QUANG	ĐỨC	CD12CI	Q2	7,5	6	1	2,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154085	LÊ ĐÌNH TRƯỜNG	GIANG	DH12OT	Tru	5	6	4,5	4,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV303 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	12154004	HỒ ĐỨC HANH	DH12OT	<i>[Signature]</i>		8	8	6	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12154226	KIỀU VĂN HÂN	DH12OT	<i>[Signature]</i>		4	8	7	6,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154092	NGUYỄN ĐỨC HIỀN	DH12OT	<i>[Signature]</i>		6,5	9	3	4,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12138020	MAI PHẠM MINH HIẾU	DH12TD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154104	ĐẶNG NGỌC HÒA	DH12OT	<i>[Signature]</i>		7	9	6	6,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154082	NGUYỄN THANH HÒA	DH12OT	<i>[Signature]</i>		5	10	0	2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12118038	NGUYỄN XUÂN HÒA	DH12CK	<i>[Signature]</i>		0	0	3	2,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11344020	TRẦN VĂN HỒ	CD11CI	<i>[Signature]</i>		5	10	6	6,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154107	HỒ CÔNG HUY	DH12OT	<i>[Signature]</i>		9	10	6	7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154086	HUYNH MINH HUY	DH12OT	<i>[Signature]</i>		5	8	2,5	3,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154231	THÁI XUÂN HUY	DH12OT	<i>[Signature]</i>		5	8	6	6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12115020	LƯU MỘNG HUYỀN	DH12GN	<i>[Signature]</i>		7,5	6	4	4,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10134013	NGUYỄN HƯNG	DH10GB	<i>[Signature]</i>		6	10	1,5	3,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12154119	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	DH12OT	<i>[Signature]</i>		6,5	10	0	2,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12154232	NGUYỄN VIỆT LÂM	DH12OT	<i>[Signature]</i>		8	10	3,5	5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12154237	NGUYỄN CHÁNH LÂN	DH12OT	<i>[Signature]</i>		7,5	8	6	6,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12344047	TRƯƠNG HOÀI LONG	CD12CI	<i>[Signature]</i>		7	10	5,5	6,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV303 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (100%)	Điểm m.T. kết t.	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	12154166	ĐINH VĂN	LỢI	DH12OT	5	6	5,5	5,4	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11154042	NGÔ HOÀNG	LUÂN	DH11OT	6,5	10	6	6,5	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	12154239	NGUYỄN VĂN	LUÂN	DH12OT	6	6	5,5	5,6	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12115049	TRẦN HỮU	LỰC	DH12CB	6	8	2	3,4	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12137005	NGÔ VĂN	MINH	DH12NL	5	10	6	6,2	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12115294	NGUYỄN THỊ TRÁ	MY	DH12CB	6,5	10	6,5	6,8	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12115042	VÕ THỊ BẢO	NGÂN	DH12GN	7	6	1	2,7	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12154113	LÊ ĐẠI	NGHĨA	DH12OT	7,5	10	6	6,7	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12154070	VŨ HỮU	NGHĨA	DH12OT	6,5	10	6	6,5	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12344118	NGUYỄN NGỌC	NGUYỄN	CD12CI	5,5	8	4	4,7	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12115108	NGUYỄN THÀNH	NHƠN	DH12CB	6	9	8,5	8	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12344103	PHẠM VĂN	PHÁT	CD12CI	5	8	4	4,6	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12154194	NGUYỄN HỮU	PHÚC	DH12OT	7	10	7	7,3	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12154020	HUYỀN THANH	PHÙNG	DH12OT	6	10	4,5	5,3	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12154163	ĐÀO THANH	PHƯỚC	DH12OT	6	10	7	7,1	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12154090	TRẦN HỮU	PHƯƠNG	DH12OT	8	9	5,5	6,3	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12154167	NGUYỄN VĂN	QUẢ	DH12OT	7,5	10	7,5	7,7	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV303 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tử	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi (10%)	Điểm T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
32	12154242	NGUYỄN CHÁNH QUANG	DH12OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12138122	PHẠM THANH QUÍ	DH12TD	Quí		8	8	1	3,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12154008	NGUYỄN CHỨC QUYÊN	DH12OT	Chức		5	10	4,5	3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12154206	PHẠM HÙNG QUYÊN	DH12OT	Hùng		7	10	5	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12113082	LÊ VĂN SƠN	DH12CX	Văn Sơn		5,5	8	5	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	12138091	LÊ VIỆT SƠN	DH12TD	Việt Sơn		5	8	4,5	4,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11154049	NGUYỄN HOÀNG SƠN	DH11OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12154109	TRẦN QUỐC SƠN	DH12OT	Quốc		7	10	5	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11154043	TRẦN ĐỨC TÀI	DH11OT	Đức		7	10	4,5	3,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12154132	NGUYỄN MINH TÂN	DH12OT	Minh		5,5	8	6	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12154134	PHAN DUY THANH	DH12OT	Thanh		5	8	6	6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12154182	PHAN DUY THẨM	DH12OT	Thẩm		8	8	5,5	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12154021	TRẦN VĂN THẮNG	DH12OT	Văn		0	0	4	2,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12137043	BÙI VĂN THẾ	DH12NL	Thế		6,5	9	6	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11154019	TRƯƠNG HỮU THIÊN	DH11OT	Hữu		6,5	10	4	5,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12154187	NGUYỄN QUỐC THỊNH	DH12OT	Quốc		7	8	6,5	6,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12154177	NGUYỄN THÀNH THUẬN	DH12OT	Thuận		7	10	6	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi TV303 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tổ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
69	12115032	PHAN NGỌC THÙY	DH12GB			6	10	6	6,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
70	12137046	BÙI ANH THƯƠNG	DH12NL			5	10	6,5	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
71	12115305	TRẦN NHẬT TIẾN	DH12GN			5,5	9	7	6,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
72	12154204	VĂN NGỌC BÌNH	DH12OT			6	10	6,5	6,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
73	12137058	NGÔ HỮU TOÀN	DH12NL			7	10	6	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
74	12154197	TRẦN NGỌC TOÀN	DH12OT			6	8	6,5	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
75	12137057	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	DH12NL			8,5	10	7	7,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
76	10158044	TRẦN XUÂN TÚ	DH10SK			7,5	10	3	4,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
77	12154241	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	DH12OT			6	8	0	2	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
78	12118117	NGUYỄN HUỲNH TÚ UYÊN	DH12CC			6	10	2,5	3,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
79	12138007	VŨ QUỐC VINH	DH12TD			8	10	3	4,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
80	12138008	TRẦN LÊ TUẤN VŨ	DH12TD			6	10	5,5	6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

Số lượng vắng mặt:

Hiện diện: :

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2

Bùi Công Khanh

Trần Văn Đức

TS. Vương Đình Bính

Vương Đình Bính

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phông thí RD105 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154076	NGUYỄN LÊ TÚ	ANH	DH12OT	<i>anh</i>	6	10	4,5	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118074	VÕ DẶNG PHẠM	ANH	DH13CC	<i>PAh</i>	0	0	2,5	1,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13138027	BÙI MINH	BẢO	DH13TD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154050	QUẢNG THIÊN	CHƯƠNG	DH12OT	<i>Quang</i>	5	10	6,5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12137015	LÊ VĂN	DUY	DH12NL	<i>V</i>	7,5	10	6,5	7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12138034	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	DƯƠNG	DH12TD	<i>Duong</i>	7,5	8	6	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154002	ĐOÀN MÃN	ĐẠT	DH12OT	<i>Đat</i>	5	10	6	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154003	ĐẶNG VĂN ÚT	EM	DH12OT	<i>ut</i>	9	10	4	5,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11158069	NGUYỄN LÊ	HOÀI	DH11SK	<i>Huoi</i>	7	10	0	2,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154032	CAO VĂN	HOAN	DH12OT	<i>hoan</i>	6	10	4	5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12344055	NGUYỄN ĐẮC	HOÀNG	CD12CI	<i>Hoang</i>	6	8	6	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154102	TRẦN TUẤN	HOÀNG	DH12OT	<i>Hoang</i>	5	10	3	4,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12138042	HOÀNG PHI	HÙNG	DH12TD	<i>Phi</i>	8,5	10	5	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12137021	PHẠM ĐỨC	HUY	DH12NL	<i>Phu</i>	7	10	4,5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12138056	PHẠM NGỌC	KHA	DH12TD	<i>Pha</i>	7	8	3	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12118021	BÙI XUÂN	LÂM	DH12CC	<i>Xu</i>	5	6	5,5	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118193	TRẦN NGỌC	LẬP	DH13CC	<i>Lap</i>	0	0	0	0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phông thi RD105 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi (20%)	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	12344075	TRẦN XUÂN LIÊN	CD12CI	<i>Liên</i>		5	10	5,5	5,8	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	12137019	PHAN VĂN LINH	DH12NL	<i>linh</i>		5	10	4	4,8	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12344080	NGUYỄN THÀNH LỢI	CD12CI	<i>Lai</i>		6,5	6	3,5	4,3	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12344084	NGUYỄN NHƯ LUÂN	CD12CI	<i>Như</i>		5	10	4,5	5,1	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng : 1

Hiện diện : 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Phương Thảo

Phan Minh Hiền

TS. Vương Thế Liên

Vương Đình Bàng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện n-207109

Ngày Thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi RD106 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	12154146	PHAN TRỌNG NHÂM	DH12OT							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344100	PHẠM QUỲNH NINH	CD12CI	Minh		7	6	4	4,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344186	HUỖNH DUY PHÁT	CD12CI	Hoàng		7	8	0	2,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138167	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	DH13TD	Hoàng		6	10	5	5,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154235	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	DH12OT	Quý		5	8	3	3,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154171	TRƯƠNG MINH SANG	DH12OT	Trương		8	10	4	5,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153139	ĐỖ TRỌNG TÂM	DH12CD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154083	LÊ THANH TÂM	DH12OT	Thanh		9	10	10	9,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12344113	VŨ THIÊN TÂM	CD12CI	Thiên		5	10	5,5	5,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12344175	PHẠM NGỌC TÂN	CD12CI	Tân		7	8	4,5	5,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12344126	VŨ THOM TÂM	CD12CI	Thom		6	10	5	5,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12344134	ĐÀO MINH TÌNH	CD12CI	Tình		7	8	7	7,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154198	NGUYỄN VĂN TOÀN	DH12OT	Toàn		8	8	8	8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154199	NGUYỄN THANH TÔNG	DH12OT	Tông		5	8	3,5	4,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12115100	NGUYỄN XUÂN TRÍ	DH12CB	Xuân		8	8	3	4,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12344148	TRẦN MINH TÚ	CD12CI	Trần		7	8	3	4,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12344152	VƯƠNG NHƯ TÚ	CD12CI	Như		8,5	8	3	4,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật điện - 207109

Ngày Thi : 21/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi RD106 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi (70%)	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	12154154	KIM THANH TUẤN	DH12OT			5,5	10	4	4,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12344052	PHẠM CHÍ TUẤN	CD12CI			6	8	1	2,7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12138107	VŨ MINH TUỆ	DH12TD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154158	NGUYỄN VŨ VĂN TUỆ	DH12OT			5	10	5	5,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 2

Hiệu điện : 19

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

TS. Vương Thanh Tôn